

## TIẾT II TÌNH TRẠNG SAU KHI CHẾT

**Đáp: 1.** [Những câu hỏi dành cho câu đáp này và các câu đáp được đánh số sau đây đều không được lưu trữ trong bản thảo]. Tại sao lại giả sử rằng Devachan là một tình trạng đơn điệu chỉ vì một lúc nào đó của cảm giác trên trần thế đã được kéo dài vô hạn có thể nói là trải dài dằng dặc qua a tầng kỳ kiếp? Nó không và *không thể* như thế được; điều này trái ngược với mọi ví dụ tương tự và nghịch lại với luật Nhân quả, theo đó hậu quả tỉ lệ với những năng lượng có trước nó. Để hiểu rõ hơn con phải nhớ rằng có hai lãnh vực biểu lộ nguyên nhân, đó là ngoại giới và nội giới. Do đó những năng lượng thô trước vốn tác động trong tình trạng vật chất nặng nề và thô trước phải được biểu lộ riêng trong cuộc sống trên cõi trần, hậu quả của nó là một phạm ngã mới trong mỗi kiếp được bao hàm trong nội bộ chu kỳ lớn hơn của Chơn ngã tiến hóa.

Còn các hoạt động đạo đức và tâm linh thì có phạm vi hậu quả là Devachan. Chẳng hạn như các thói xấu, những hấp lực về thể chất v.v. . . của một triết gia có hậu quả là sinh ra một triết gia mới, một ông vua, một thương gia, một kẻ nhà giàu no cơm ấm cật hoặc bất kỳ phạm ngã nào khác với thành phần cấu tạo tất nhiên là do những khuynh hướng áp đảo của thực thể trong kiếp ngay trước đó. Chẳng hạn như Bacon, người mà một thi sĩ gọi là "kẻ vĩ đại nhất, khôn ngoan nhất và *đê tiện nhất* thuộc loài người". Trong kiếp kế tiếp có thể xuất hiện lại thành ra một kẻ tham lam chuyên vợ vét tiền bạc bằng những năng lực trí thức phi thường. Nhưng các đức tính vô đạo đức và tâm linh của Bacon trước kia cũng phải tìm được một môi trường như thế, vì vậy mọi kế hoạch lớn cái cách đạo đức, dùng trí tuệ và tâm linh để khảo cứu về các nguyên tắc trừu tượng của thiên nhiên, mọi hoài bão thiêng liêng đều đơm hoa kết trái nơi Devachan và thực thể trừu tượng trước kia được ta biết là một vị đại Chưởng ấn thì trong nội giới này do chính mình điều chế ắt sống nếu không phải là một kiếp tồn tại hữu thức thì ít ra cũng là một giấc mơ mà sự linh động thực tiễn không một thực tại nào trong cuộc đời có thể sánh kịp. Và giấc mơ này kéo dài cho tới khi Nghiệp quả đã được thỏa mãn theo chiều hướng đó, đến khi đợt sóng lực đã đạt tới bờ của lưu vực tuần hoàn thì thực thể mới chuyển sang địa hạt nguyên nhân kế tiếp. Nó có thể thấy ở đó cũng trong một thế giới giống như trước hoặc ở một thế giới khác tùy theo giai đoạn tiến hóa của nó qua các vành và Cuộc tuần hoàn cần thiết nhằm phát triển con người.

Vậy thì sao con lại có thể nghĩ rằng chỉ tuyển chọn một giây phút cảm giác trần tục để điều chế thôi? Quả thật là giây phút đó kéo dài từ đầu đến cuối, nhưng thế thì nó chỉ kéo dài nốt chủ âm của trọn cả hài âm, một cung bậc nhất định có cao độ đáng kể xung quanh đó có tụ tập lại và triển khai đủ thứ biến tấu lũy tiến của điệu nhạc du dương. Những biến tấu vô tận về một chủ đề. Mọi hoài bão, ham muốn, hi vọng, mơ ước vốn liên quan tới các giây phút đặc thù đó đã băng ngang qua bộ óc của kẻ mơ mộng trong buổi sinh thời vì chưa bao giờ được thực hiện trên trần thế cho nên giờ đây mới được thực hiện trọn vẹn cực kỳ sống động nơi Devachan, y đâu có ngờ rằng mọi thực tại cực lạc đó chẳng qua chỉ là sản phẩm do chính óc hoang tưởng của y đẻ ra, là hậu quả của những nguyên nhân tâm trí mà chính y đã tạo ra. Cái giây phút đặc thù vốn mạnh mẽ nhất và nổi bật nhất trong tư duy của bộ óc hấp hối vào lúc nó đang tan rã dĩ nhiên sẽ điều tiết mọi "giây phút" khác; thế nhưng những giây phút khác cho dù thứ yếu và kém sống động hơn vẫn có vị trí được qui định của mình trong cái màn trình diễn huyền ảo đó của các giấc mơ đã qua và phải đem lại những biến tấu cho tổng thể.

Có ai trên đời này mà lại không có một sự ưu ái nào đó, không có một nỗi đam mê trần áp, có ai cho dù hèn mọn và nghèo khó đến đâu đi nữa (và cũng thường chính vì

thế) mà lại không sa đà vào những mơ mộng và ham muốn cho dù chúng không hề được thỏa mãn. Phải chăng đó là sự đơn điệu? Phải chăng con gọi những biến thái đó vốn vô *tận* xung quanh một chủ đề duy nhất và cái chủ đề đó được uốn nắn có sắc thái và dạng hình nhất định dựa vào nhóm ham muốn vốn mãnh liệt nhất trong buổi sinh thời, phải chăng đó là một sự thiếu thốn rỗng tuếch mọi tri thức trong tâm trí đang nhập Devachan mà trong một chừng mực nào đó dường như là hèn mọn? Vậy thì quả thật con đã không hiểu được ngụ ý của ta (như con nói) hoặc là chính ta phải bị quở trách. Ta chắc chắn đã không thể truyền đạt được ngụ ý đúng đắn và ta phải thú nhận rằng mình không mô tả nổi điều không thể diễn tả được. Bạn thân mến, đây là một nhiệm vụ khó khăn nếu không có nhận thức trực giác của kẻ Đệ tử lão luyện đến cứu vớt. Không một lượng miêu tả nào (cho dù xác thực đến đâu đi nữa) trợ giúp được; thật vậy không một ngôn từ nào đủ để diễn tả được những sự khác nhau giữa một trạng thái tâm trí trên trần thế và trạng thái tâm trí thoát ngoài vòng tục lụy; trong tiếng Anh không có một thuật ngữ nào tương đương với các thuật ngữ của chúng ta, chẳng có gì ngoại trừ những điều tiên kiến không thể tránh được (do trước kia đã được giáo dục theo kiểu Tây phương) – vì thế mới có những dòng tư tưởng theo chiều hướng sai lầm trong tâm trí của người tìm học - chẳng có gì giúp được chúng ta truyền bá những tư tưởng hoàn toàn mới mẻ này! Con thật chí lý; ta e rằng chẳng những “người bình thường” (bạn đọc của con) mà ngay cả những nhà lý tưởng duy tâm và những đầu óc rất trí thức cũng không lĩnh hội được ý tưởng chân chính và *chẳng bao giờ* thăm dò được nó tới tận sâu thẳm. Có lẽ một ngày nào đó, con mới ngộ ra được nhiều hơn hiện nay mà một trong những lý do chính yếu tại sao chúng ta không sẵn sàng truyền thụ tri thức cho các ứng viên Âu Tây.

Một người đang học hỏi một điều gì đó về những bí nhiệm của thiên nhiên “dường như ở một trạng thái tồn tại cao siêu hơn khi bắt đầu trên trần thế so với điều mà thiên nhiên xét theo biểu kiến cung cấp cho y là phần thưởng của những hành vi tốt nhất”, có lẽ chỉ “biểu kiến” thôi chứ không thực sự khi ta hiểu đúng được phương thức vận hành của thiên nhiên. Thế rồi lại còn sự hiểu lầm khác nữa. Công trạng càng nhiều thì thời kỳ Devachan càng dài. “Nhưng ở Devachan mọi ý thức về sự kéo dài của thời gian đều biến mất: một phút cũng giống như một ngàn năm. Vậy thì *có ích gì* đâu v.v. . .

Nhận xét này và cách xem xét sự vật như thế cũng có thể áp dụng cho trọn cả Thời gian Vĩnh hằng Niết bàn, Chu kỳ Hoại không và còn nhiều thứ nữa. Phải nói ngay rằng trọn cả hệ thống thực thể tồn tại dù là riêng biệt hay tập thể, thiên nhiên ngoại giới và nội giới chẳng qua chỉ là những sự kiện ngu đần không có mục đích, một sự lừa đảo khổng lồ của thiên nhiên mà triết học phương Tây chẳng mấy đồng cảm được, hơn nữa các đại biểu xuất sắc của nó còn độc ác không tán thành. Trong trường hợp như thế thì có ích gì mà rao giảng giáo lý của chúng ta, chỉ đủ leo lên núi và lội ngược dòng? Tại sao phương Tây lại băn khoăn muốn học một điều gì đó của phương Đông, vì nó hiển nhiên là không thể tiêu hóa nổi điều chẳng bao giờ có thể đáp ứng được nhu cầu thị hiếu thắm mỹ đặc biệt của nó? Một viễn cảnh đáng tiếc đối với chúng ta vì ngay cả chính *con* cũng không lĩnh hội được trọn cả tầm vĩ đại thuộc triết lý của chúng ta thậm chí không nuốt nổi một góc nhỏ của nó tức là vấn đề Devachan, tức các chân trời cao siêu “sau khi chết”. Ta không muốn làm cho con nản chí, ta chỉ muốn con lưu ý tới những khó khăn lớn lao mà chúng ta gặp phải khi thử ra sức giải thích siêu hình học của mình cho những đầu óc Tây phương, thậm chí trong đám những người thông minh nhất. Không đâu, chẳng có cái đồng hồ nào, chẳng có dụng cụ đo thời gian nào nơi Devachan, mặc dù theo một ý nghĩa nào đó toàn thể Càn khôn là một thời kế vĩ đại. Những kẻ phàm phu chúng ta *ngay cả dưới hạ giới này* cũng đâu có nhận thức được nhiều (nếu có) về thời gian trong những thời kỳ hạnh phúc và cực lạc, cho nên thấy những thời kỳ đó bao giờ cũng quá ngắn; sự

thật này tuyệt nhiên đâu có ngăn cản chúng ta vui hưởng hạnh phúc đó mỗi khi nó đến. Nếu con có nghĩ đến khả năng này thì có lẽ vì cái chén cực lạc của họ đã đầy tràn rồi cho nên kẻ nhập "Devachan" mới mất hết ý thức về thời gian trôi qua; ấy là một điều nào đó mà những kẻ bị đọa Địa ngục A tỳ không chia sẻ - mặc dù cũng giống như người nhập "Devachan", kẻ đọa "Địa ngục A tỳ" cũng không nhận thức được thời gian, nghĩa là cách tính toán các thời kỳ trôi qua trên cõi trần của ta?

Về vấn đề này ta cũng xin nhắc con nhớ rằng *thời gian là một điều gì đó do chính chúng ta tạo ra*; trong khi một giây phút ngắn ngủi đau đớn oằn oại ngay cả trên trần thế cũng dường như là Thiên thu đối với kẻ này thì đối với kẻ khác may mắn hơn, hàng giờ, hàng ngày, và đôi khi trọn cả nhiều năm cũng có thể dường như lướt thoáng qua là một giây phút ngắn ngủi và cuối cùng là mọi chúng sinh hữu tình hữu thức trên trần thế, con người là động vật duy nhất có nhận biết được về thời gian mặc dù điều này chẳng hề khiến cho y hạnh phúc hoặc minh triết hơn. Thế thì ta làm sao giải thích được cho con điều mà con *không thể* cảm nhận được, vì con dường như không thể hiểu nổi? Những ví dụ mô phỏng hữu hạn không thích hợp để diễn tả được điều trừu tượng và vô hạn, ngoại cảnh không bao giờ phản ánh được nội giới. Để ngộ ra được sự cực lạc nơi Devachan hoặc sự thống khổ nơi A tỳ, con phải đồng hóa được nó giống như chúng ta. Chủ nghĩa duy tâm phê phán của Tây phương vẫn còn phải học cách phân biệt giữa thực tại của các đối tượng siêu giác quan và tính nội giới lơ mơ mà nó qui giản những đối tượng đó về mức ấy. Thời gian không phải là một quan niệm xác định và do đó không thể được chứng tỏ hoặc phân tích theo những phương pháp của triết học hời hợt; và nếu ta không học được cách hóa giải những hậu quả tiêu cực của cái phương pháp thoải mái rút ra kết luận từ cái hệ thống lý trí thuần túy và không biết phân biệt vật chất với cái dạng tri thức của ta về các đối tượng của giác quan, thì ta chẳng bao giờ đạt tới những kết luận chính xác nhất định. Trường hợp đang xét mà ta bên vực để cho con thấy cái quan niệm (rất tự nhiên) là bằng chứng hùng hồn về sự hời hợt và thậm chí sai trái của cái hệ thống lý trí thuần túy (duy vật) đó. Theo như Kant chủ trương thì Không gian và Thời gian có thể không phải là sản phẩm mà là vật điều tiết các cảm giác nhưng nó chỉ đúng đối với các cảm giác trên *trần thế* thôi chứ không phải nơi Devachan. Ở đó, ta không thấy một cách *tiên nghiệm ý tưởng* về Không gian và Thời gian khổng lồ được nhận thức của các cư dân nơi Devachan về đối tượng giác quan của mình; ngược lại ta khám phá ra rằng chính người nhập Devachan đã tuyệt đối tạo ra cả Thời gian lẫn Không gian và tiêu diệt chúng cùng một lúc. Như vậy lý trí thực tiễn không bao giờ có thể xét đoán chính xác được cái gọi là "các trạng thái sau khi chết" vì lý trí thực tiễn chỉ hoạt động được trong phạm vi những nguyên nhân tối hậu tức cứu cánh, do đó khó lòng được Kant coi là quyền năng tinh thần cao nhất nơi người mà phạm vi hoạt động là Ý chí - đối với Kant ở trạng này thì thuật ngữ đó có nghĩa là "lý trí" còn ở trạng khác cũng thuật ngữ đó có nghĩa là "ý chí".

Đoạn nêu trên không phải như con nghĩ là chỉ được đưa ra để lập luận (có nghĩa là quá lạc đề) mà nhằm vào một cuộc thảo luận "thoải mái" trong tương lai (theo như con nói) với những người đang tìm học và ngưỡng mộ Kant và Plato mà con ắt phải đụng độ. Nói cho rõ hơn thì ta ắt chẳng cho con biết điều sau đây và lỗi không phải tại ta nếu con vẫn không hiểu được trọn cả ý nghĩa của nó. Cũng giống như kiếp sống trên cõi trần có cường độ tích lũy lại từ tuổi ấu thơ cho tới tuổi thanh xuân, rồi từ đó trở đi năng lượng giảm dần cho đến lúc lẩn và chết; cũng vậy sinh hoạt mơ mộng của Devachan cũng được trải nghiệm tương ứng như thế. Vì thế cho nên con thật chí lý khi bảo rằng "linh hồn" chẳng bao giờ ngộ ra được lỗi lầm của mình và thấy mình bị "thiên nhiên lừa gạt" - nói như thế thì chẳng khác gì bảo rằng trọn cả kiếp nhân sinh với những thực tại mà nó khoe khoang cũng chẳng khác gì "sự lừa gạt". Nhưng con đang sai lầm khi tiếp tay cho những

thành kiến và tiên kiến của bạn đọc phương Tây. Không một người Á đông nào đồng ý với con về điều này đâu. Khi con nói thêm rằng “trọn cả sự việc này có một vẻ gì là *không thực*, thật đau khổ cho tâm trí xiết bao”, thì con là người đầu tiên cảm thấy như thế; đó chắc chắn là vì con không thấu triệt được bản chất của kiếp sinh tồn nơi Devachan chứ không phải vì hệ thống của chúng ta có khiếm khuyết. Vì thế cho nên ta có ra lệnh cho một Đệ tử sao chép lại trong phụ lục bài báo của con những đoạn trích ra từ bức thư này và những lời giải thích dự tính để cho bạn đọc tỉnh ngộ và xóa nhòa đi tối đa cái ấn tượng đau khổ mà phát biểu của con chắc chắn là gây ra cho bạn đọc.

Con hãy tin ta đi, thiên nhiên không lừa gạt kẻ nhập Devachan nhiều hơn mức lừa gạt kẻ sống sờ sờ trên cõi trần. Thiên nhiên cung cấp cho y nhiều sự cực lạc và hạnh phúc *đúng nghĩa* hơn mức nó làm được ở *dưới đây* nơi mà mọi tình huống tồi tệ và cơ may đều chống lại y; cái tình trạng cố hữu chới với của y giống như một cọng rơm bị cơn gió vô tình thổi bay tứ tán khiến cho hạnh phúc trên cõi đời này là việc hoàn toàn không thể được đối với một con người, cho dù hoàn cảnh và vận may của y có lớn đến đâu đi chăng nữa. Đúng ra thì con nên gọi cuộc đời này là một cơn ác mộng xấu xa khủng khiếp. Gọi kiếp sống nơi Devachan là “một giấc mơ” theo bất kỳ ý nghĩa nào so với một thuật ngữ qui ước rất thích hợp với ngôn ngữ của con vốn đầy đầy những điều đặt tên không chính xác; làm như vậy là chối bỏ mãi mãi tri thức của giáo lý bí truyền vốn độc quyền nắm giữ sự thật.

Ta xin thử một lần nữa giải thích cho con một vài trong số nhiều trạng thái ở Devachan và A tỳ. Cũng giống như cuộc sống thực tế trên cõi trần, đối với bản ngã nơi Devachan trước hết cũng có sự xao xuyên của cuộc sống tâm linh, rồi đạt tới tuổi thanh xuân, dần dần kiệt lực chuyển thành trạng thái bán ý thức, dần dần quên lãng và hôn thuy rồi – không phải là chết – mà là sinh, sinh vào một phạm ngã khác và lại tiếp tục hành động, hằng ngày sinh ra những tập hợp nguyên nhân mới vốn phải được thanh toán trong một hạn kỳ khác nơi Devachan, rồi lại còn một kiếp tái sinh trên trần thế nữa thành một phạm ngã mới. Trong mỗi trường hợp, các kiếp sống nơi Devachan và trên trần thế sẽ lần lượt được xác định theo Nghiệp quả, và vòng luân hồi nhằm chán này cứ mãi mãi xoay vòng cho đến khi sinh linh đạt tới cuối Cuộc tuần hoàn thứ Bảy, hoặc trong thời gian đó đã đạt tới minh triết của một vị La hán, rồi sự toàn giác của một Đức Phật, thế là được miễn trừ một hoặc hai Cuộc tuần hoàn vì đã học được cách phá tan vòng lẩn quẩn và nhập vào cõi Đại Niết Bàn.

Nhưng giả sử đó không phải là trường hợp của một Bacon, Goethe, Shelley hoặc một Howard mà là một người tầm thường nào đó, một phạm ngã vô vị không đặc sắc chẳng bao giờ gây ấn tượng được cho thế gian đủ để khẳng định cho bản thân. Thế thì sao? Chỉ là trạng thái Devachan của y cũng vô vị và yếu ớt như phạm ngã của y. Làm sao có thể khác hơn được, vì nhân và quả vốn tương ứng với nhau mà? Nhưng giả sử nguyên nhân là một quái vật độc ác, đa dục, đầy tham vọng, háms lợi, kiêu ngạo, ưa lừa bịp v.v. . . tuy nhiên y lại có một hoặc một số mầm mống của một điều gì đó tốt hơn, những tia chớp lóe của bản chất thiêng liêng hơn – vậy thì y đi đâu? Điểm linh quang nêu trên âm ỉ bên dưới một đồng bụi đất tuy nhiên lại hóa giải được sức hấp dẫn của cõi thứ Tám – chỉ rút xuống đó những kẻ tuyệt đối *không phải thực thể*, những sự thất bại của thiên nhiên phải được cải tạo lại hoàn toàn, chơn thần của họ đã cắt đứt quan hệ với nguyên khí thứ năm trong buổi sinh thời (cho dù trong kiếp vừa mới xảy ra lần trước vì những trường hợp như thế cũng được ghi nhận trong sổ sách của chúng ta) và đã sống như những kẻ mất linh hồn (xem *Nữ thần Isis*, quyển I trang 369, ở đây từ linh hồn tượng trưng cho hồn thiêng bất cứ khi nào nó rời bỏ con người khiến y bị mất linh hồn, thì đó là nguyên nhân khiến cho nguyên khí thứ năm – tức hồn thú – sa xuống cõi thứ tám). Những người

nào mà nguyên khí thứ sáu đã rời bỏ họ trong khi nguyên khí thứ bảy vì mất hiện thể của mình cho nên không thể tồn tại độc lập nữa, thì nguyên khí thứ năm tức hồn thú dĩ nhiên phải sa vào cái hố sâu không đáy. Điều này có lẽ khiến cho những lời bóng gió của Eliphas Levi còn rõ ràng hơn nữa với con, nếu con đọc qua điều mà ông nói và những nhận xét của ta viết bên lề (Xem Tạp chí *Nhà Thông Thiên Học* số tháng 10, năm 1881 tựa đề là “*Sự Chết*”) và hãy suy gẫm về những từ được dùng trong đó như “kẻ vô tích sự” v.v. . . [Xem Phụ lục A]. Được thôi, thực thể mà ta nêu lên lúc đầu bấy giờ dù rất độc ác cũng không thể sa vào Cõi thứ Tám, vì sự độc ác của y có bản chất quá tinh vi và thuộc về *tâm linh*. Y là một con quái vật chứ không phải chỉ là một con thú không có linh hồn. Y chẳng những bị *hủy diệt* mà còn phải bị *trừng phạt* vì sự hủy diệt có nghĩa là hoàn toàn quên lãng và sự thật là việc bị dập tắt khỏi kiếp sống hữu thức bản thân nó không tạo thành sự trừng phạt và theo cách diễn tả của Voltaire thì “cõi hư vô cũng đâu để lại cái chi hay ho”. Ở đây ánh lửa leo lét thuần thuần không bị thổi tắt đi bởi cơn gió hiu hiu mà là một năng lượng mạnh mẽ, tích cực, đầy ác ý được hoàn cảnh nuôi dưỡng và phát triển một điều gì đó có thể thực sự thoát vòng kiểm soát của y. Đối với một bản chất như thế thì ắt phải có một trạng thái tương ứng với Devachan và ta thấy điều này nơi A tỳ, phần đề hoàn toàn của Devachan mà các quốc gia Tây phương bình dân hóa thành ra Địa ngục và Thiên đường mà con đã hoàn toàn quên mất trong *Các Mảnh vụn Chân Lý* của mình. [Xem Phụ lục B]. Nên nhớ rằng để bắt tử về điều thiện thì người ta phải đồng nhất hóa mình với điều thiện (tức Thượng Đế), để bắt tử về điều ác thì người ta phải đồng nhất hóa mình với điều ác (tức Sa tăng). Những quan niệm sai lầm về các thuật ngữ như “Tinh thần”, “Linh hồn”, “Chơn ngã”, “Phàm ngã” và nhất là sự “Bất tử” gây ra những cuộc bút chiến giữa rất nhiều người tham gia bàn luận thuộc phái duy tâm, để cho *Các Mảnh vụn Chân Lý* của con được hoàn chỉnh thì ta thấy cần thêm A tỳ vào Devachan để bổ sung cho nó và áp dụng cho nó những định luật giống như Devachan. Điều này được thực hiện với sự chấp thuận của con ở Phụ lục. [“Phụ lục” ở đây nhằm nói tới bài xuất hiện ở trang 137, Tạp chí *Nhà Thông Thiên Học*, số tháng 3 năm 1883. Ta thấy nó ở cuối tác phẩm này dưới dạng là Phụ lục B].

Sau khi đã giải thích đủ về tình trạng này, bây giờ ta mới có thể trả lời trực tiếp câu hỏi số 1 của con. Có đấy. Chắc chắn là có một sự thay đổi chú tâm, một sự thay đổi liên tục nơi Devachan, cũng nhiều và thậm chí còn hơn cả so với lúc sinh thời của người nam nữ nào ngẫu nhiên mà trọn cả đời của mình chỉ có một chú tâm duy nhất cho dù nó là gì đi chăng nữa. Có sự khác nhau là đối với người nhập Devachan thì chú tâm đặc biệt này luôn luôn dễ chịu và làm cho cuộc đời y đê mê ngây ngất. Thế thì phải có sự thay đổi do sinh hoạt mơ mộng này chẳng qua chỉ là kết quả, là mùa gặt hái những mầm mống tâm linh rơi rớt xuống từ cái cây kiếp sống trên cõi trần trong lúc ta mơ mộng, hi vọng, hoang tưởng thoáng thấy sự cực lạc và hạnh phúc bị bóp nghẹt trong mảnh đất xã hội bạc bẽo, được đơm hoa kết trái trong ánh bình minh rực rỡ của cõi Devachan, rồi chín muồi dưới bầu trời bao giờ cũng mang lại kết quả của nó. Ở đó, không có sự thất bại, không có sự thất vọng. Nếu người ta chỉ có *một* giây phút duy nhất trải nghiệm hạnh phúc lý tưởng trong buổi sinh thời theo như con nghĩ thì ngay cả khi đó nếu cõi Devachan tồn tại thì nó không thể giống như con giả định sai lầm rằng đó là sự kéo dài vô tận của cái “giây phút duy nhất” đó, mà là những sự phát triển vô tận của đủ thứ diễn biến và sự việc dựa vào và xuất phát từ cái phút giây hoặc những phút giây duy nhất đó (tùy theo trường hợp) – tóm lại, tất cả những gì gợi ý cho óc hoang tưởng của kẻ mơ mộng. Như ta có nói, một nốt nhạc duy nhất được trỗi lên từ cây đàn lyre của cuộc sống có thể tạo thành nốt chủ âm trạng thái nội giới của sinh linh đó và thể hiện ra vô số cung bậc và nửa cung hài âm thuộc cảnh huyền ảo tâm linh ấy.



Ở đó mọi hi vọng, hoài bão và giấc mơ chưa thực hiện được đều hoàn toàn được thực hiện và *những giấc mơ* nơi ngoại giới trở thành *những thực tại* nơi kiếp sống nội giới. Và ở đó đằng sau bức màn Hảo huyền, những dáng vẻ lơ mờ, lừa gạt của nó đều được nhận thức bởi bậc Chơn sư đã học được đại bí nhiệm làm cách nào thâm nhập được sâu hơn vào điều Bí mật của hiện tồn. Chắc chắn là câu hỏi của ta (liệu con có cảm thấy là đơn điệu trong khi con xem xét cái giờ phút hạnh phúc nhất trong đời mình chẳng) đã làm con hiểu lầm hoàn toàn. Như vậy bức thư này chỉ là lời sám hối vì ta đã lười biếng không triển khai giải thích thêm nữa.

**Đáp: 2.** Chu kỳ ngụ ý là gì? “Chu kỳ nhỏ” cố nhiên có nghĩa là hoàn tất Cuộc tuần hoàn thứ Bảy, như ta đã quyết định và giải thích. Ngoài ra vào cuối mỗi Cuộc tuần hoàn trong số bảy Cuộc tuần hoàn có một sự nhớ lại ít trọn vẹn hơn, chỉ nhớ lại những kinh nghiệm Devachan diễn ra giữa nhiều kiếp vào cuối kiếp sống của phàm ngã. Nhưng việc hoàn toàn nhớ lại mọi kiếp sống (trên trần thế cũng như Devachan – nói tóm lại là toàn tri) chỉ xảy ra vào lúc kết thúc trọn cả bảy Cuộc tuần hoàn (trừ phi trong thời gian đó người ta đã trở thành một vị Bồ tát hoặc một La hán), ngưỡng cửa Niết Bàn có nghĩa là một thời kỳ vô tận. Dĩ nhiên là một con người, một người *thuộc Cuộc tuần hoàn thứ Bảy* (y hoàn tất cuộc hành hương trên cõi trần của mình vào lúc bắt đầu giống dân cuối cùng và vánh cuối cùng) sẽ phải chờ đợi ở ngưỡng cửa này lâu hơn một người thuộc loại cuối cùng của các Cuộc tuần hoàn trước. Cuộc đời của kẻ được Tuyển lựa giữa Chu kỳ Hoại không thứ yếu và Niết Bàn – hoặc đúng hơn là *trước* Chu kỳ Hoại không – là phần thưởng lớn, thật vậy là phần thưởng lớn nhất vì nó khiến cho bản ngã (mặc dù y có thể chưa bao giờ là một bậc Chơn sư mà chỉ là một người xứng đáng vì có đức hạnh trong hầu hết các kiếp của mình) hầu như là một vị Thượng Đế, một thực thể hữu thức toàn tri, một ứng viên trong vô lượng kiếp nữa sẽ là một đấng Dhyana Chohan. Như thế cũng đủ rồi, ta đang tiết lộ những điều bí nhiệm Điểm đạo.

Nhưng “Niết Bàn” có liên quan gì tới việc nhớ lại các kiếp sống nơi ngoại giới? Đó là một trạng thái còn cao hơn nữa trong đó ta quên hết mọi sự vật nơi ngoại giới. Đó là một trạng thái tuyệt đối an dưỡng và đồng hóa với Parabrahman, chính là Parabrahman.

Thật tiếc thay cho sự vô minh đáng buồn này ở phương Tây về những sự thực triết học của chúng ta và trí năng vĩ đại nhất của con cũng không thể lĩnh hội được chính cái thần của giáo huấn đó! Liệu chúng ta sẽ làm gì, có thể làm được gì bây giờ?

**Đáp: 3.** [Câu hỏi của câu đáp này không có trong bản thảo]. Con giả định có một sự giao tiếp của các thực thể nơi Devachan vốn chỉ được áp dụng cho những mối tương quan của kiếp sống trên cõi trần. Hai linh hồn đồng cảm với nhau, mỗi người sẽ triển khai ra những cảm giác Devachan của riêng mình, khiến cho linh hồn kia chia xẻ được cực lạc nội giới của mình, thế nhưng mỗi bên vẫn tách biệt với nhau xét về việc giao tiếp hỗ tương thật sự. Đó là vì làm sao có thể đồng hành giữa hai thực thể nội giới vốn thậm chí cũng không được có tính cách vật chất như cái thể tinh vi là *Áo thân* (Mayavi-rupa)?

**Đáp: 4.** Devachan là một trạng thái chứ không phải nơi chốn. Sắc giới (Rupa-loka), Vô sắc giới (Arupa-loka) và Dục giới (Kama-loka) là ba cõi có *tính linh* thăng thượng, trong đó nhiều nhóm thực thể nội giới bị thu hút về. Nơi Dục giới (cõi bán vật thể, nơi ở của ma hình, những kẻ bất đắc kỳ tử và những kẻ tự tử), cõi này được phân chia thành vô số vùng và phân vùng, tương ứng với trạng thái tâm trí của những kẻ trải qua vào giờ chết. Đây là Thế giới Trường hạ (Summerland) vinh diệu của các nhà Thần linh học, tầm nhìn của những nhà thấu thị giỏi nhất của họ cũng bị hạn chế bởi chân trời của cõi này –

tầm nhìn đó vốn bất toàn và khiếm khuyết vì không được rèn luyện và dẫn dắt bởi A lại da (Alaya) tức tri thức ẩn tàng. Có ai ở phương Tây mà biết chút ít gì về Tam thiên (Sahalokadhatu), Đại thiên (Chilicocsm) thế giới bí mật chân chính đâu [Được đề cập tới ở trang 101, 116 trong kinh tạng Phật giáo của Beal] trong số nhiều vùng của đại thiên tam thiên thế giới chỉ có ba cõi được tiết lộ cho thế giới bên ngoài, tam giới Tribhuvana đó là Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới? Thế nhưng hãy xem sự hỗn độn đáng buồn này sinh ra trong tâm trí của những người phương Tây khi nhắc tới chỉ có ba cõi này thôi. Từ Dục giới lúc bấy giờ đang ở trong Tam thiên Đại thiên thế giới, một khi đã được thức tỉnh khỏi sự thần thờ *sau khi chết*, "vong linh" mới được tân trang (tất cả chẳng qua chỉ là ma hình) tùy theo sức hút của mình mà nhập vào hoặc là Devachan hoặc là A tỳ. Và hai trạng thái này lại được biến phân ra vô tận, mức độ tính linh tăng cao của chúng có tên gọi theo Cõi (Lokas) mà chúng tương ứng với. Chẳng hạn như những cảm giác, nhận thức và sức tạo ý của người nhập Devachan nơi Sắc giới, cố nhiên có ít tính cách nội giới hơn so với ở Vô sắc giới, nơi cả hai cõi này thì các kinh nghiệm Devachan đều biến hiện thay đổi đối với thực thể nội giới chẳng những xét về hình tướng, màu sắc và chất liệu, mà còn về tiềm năng tạo hình nữa. Nhưng ngay cả trạng thái Devachan cao siêu nhất nơi Vô sắc giới (trạng thái cuối cùng trong bảy trạng thái) cũng không thể so sánh với tình trạng hoàn toàn thuộc nội giới của tính linh thuần túy, Chơn thần xuất lộ từ đó để giáng xuống nhập vào vật chất, và khi hoàn tất chu kỳ lớn nó phải trở lại đó; bản thân Niết Bàn cũng không thể so sánh được với Đại Niết Bàn.

**Đáp: 5.** Việc khôi phục lại ý thức bắt đầu sau cuộc đấu tranh nơi Kama Loka ở ngưỡng cửa Deachan và chỉ sau "thời kỳ thụ sinh" (gestation period). Con hãy vui lòng gỡ lại những câu trả lời của ta về đề tài này trong mục "Các Mâu thuẫn Nổi tiếng".

**Đáp: 6.** Sự suy diễn của con về việc kéo dài vô tận một giây phút cực lạc trần thế nào đó nơi Devachan vốn là vô căn cứ, cho nên câu hỏi của con ở đoạn cuối bức thư này cũng chẳng cần phải xét tới. Sự lưu trú ở Devachan tỉ lệ với những xung lực tâm linh còn dở dang đã được phát khởi trong khi còn sống trên cõi trần. Những người chịu áp lực áp đảo của vật chất chẳng bao lâu sau sẽ bị lực Ai dục Tanha thu hút trở lại tái sinh. [Tanha tức là sự khao khát muốn sống]. Vì một đối thủ ở Luân đôn có nhận xét thực sự rằng những đề tài (siêu hình học) này chỉ được hiểu có một phần thôi. Một năng lực cao hơn thuộc về một cuộc sống cao hơn mới thấy được; và quả thật là không thể áp đặt nó lên sự hiểu biết của người ta chỉ bằng lời lẽ không thôi. Người ta phải nhìn thấy bằng mắt tâm linh, phải nghe bằng tai Pháp thân (Dharma-kayic ear), phải cảm nhận bằng cảm giác của Linh thức (Astitya Vijnana) chơn ngã thì người ta mới hiểu được trọn vẹn giáo lý này, bằng không thì nó chỉ khiến làm cho người ta thêm bức rức chứ chẳng giúp cho y hiểu thêm được bao nhiêu.

**Đáp: 7.** "Phần thưởng" mà thiên nhiên cung cấp cho người có thiện tâm phần lớn là có tính hệ thống lớn lao và kẻ nào không tập trung cảm tình của mình vào một cá nhân hoặc điều chuyên biệt thì nếu đủ trong sạch thì y sẽ nhanh chóng vượt qua Dục giới và Sắc giới để nhập vào cõi cao trong Tam giới vì đây là cõi mà việc tạo nên các ý tưởng trừu tượng và việc cứu xét các nguyên lý tổng quát làm bận bịu tư duy của người ở đó. Phàm ngã đồng nghĩa với hạn chế, và ý tưởng của con người càng hẹp hòi thì y càng bám khư khư lấy các cõi hiện tồn thấp, và y càng la cà lâu hơn trên cõi giao tiếp xã hội ích kỷ. Địa vị xã hội của một sinh linh cố nhiên là kết quả của Nghiệp báo theo định luật ngưư tầm ngưư mã tầm mã. Thực thể mới sinh ra trở lại bị cuốn hút vào dòng thác sinh vốn là

lực hút chiếm ưu thế mà kiếp sống vừa qua của y đã khiến y đồng hóa. Như vậy một người lúc chết đi là một nông dân [một dân quê trồng trọt ở Ấn Độ] có thể tái sinh là một ông vua; còn một vị quân vương bằng hà có thể chào đời trong túp lều của một người lao công. Định luật hấp dẫn này được khẳng định qua cả ngàn trường hợp sinh ra đời đến nỗi nó không thể là việc định dang sai lầm. Rốt cuộc khi con ngộ ra rằng các Uẩn [các yếu tố cấu tạo thành thực thể theo Phật giáo] là những yếu tố của cuộc sống hạn hẹp thì con mới cũng ngộ ra được một trong các tình trạng nơi Devachan, vốn là một viễn ảnh không thỏa mãn sâu sắc xiết bao đối với mình. Những suy diễn của con (về sự phúc lợi và hưởng lạc của các giai cấp thượng lưu là do họ được hưởng phước báu tốt hơn) cũng không hoàn toàn chính xác khi áp dụng trong trường hợp chung. Giai cấp thượng lưu có một tiên kiến về bản thân vốn khó lòng dung hòa được với luật Nghiệp quả vì những "sự phúc lợi và hưởng lạc" này thường là *nguyên nhân* của Nghiệp quả mới nặng trĩu hơn là kết quả của phước báu cũ; thậm chí theo thông lệ thì sự nghèo khổ và tình trạng bần hàn trong cuộc sống là một nguyên nhân gây phiền não ít hơn sự giàu có và sinh trưởng trong giai cấp thượng lưu. Nhưng sau này ta sẽ bàn về điều đó. Một lần nữa lời giải đáp của ta có vẻ giống như một quyển sách hơn là đáng vẻ khiêm tốn của một bức thư.

**Hỏi: 1.** *Những nhận xét đính kèm trong bức thư thuộc số báo "Nhà Thông Thiên Học" vừa qua [số tháng 6 năm 1882], trang 226, cột 1, làm con chú ý vì nó rất quan trọng và có tính cách giảm khinh (con không nói là mâu thuẫn với) nhiều điều mà cho đến nay con đã được dạy bảo về Thần linh học. Chúng con nghe nói có một tình trạng sinh hoạt tâm linh trong đó bản ngã tái triển khai được hưởng một kiếp sống hữu thức trong một thời gian trước khi luân hồi sang một thế giới khác nhưng cho đến nay cái chi tiết thuộc đề tài đó lại bị bỏ qua. Thế mà một số phát triển rành mạch bây giờ lại được đưa ra gợi ý cho con tìm hiểu thêm nữa. Nơi cõi Devachan, xét theo biểu kiến, thì bản ngã mới còn nhớ lại hoàn toàn kiếp sống của mình trên cõi trần. Có phải như thế chẳng và liệu con có hiểu lầm điều nào về vấn đề đó không?*

**Đáp:** Devachan tức "Tịnh độ" (Sukhavati) được chính Đức Thế Tôn mô tả *một cách ẩn dụ*. Ta có thể thấy lời dạy của ngài trong quyển *Sơn môn nhất động* (Shan-mun-yih tung). Đấng Như Lai dạy: "Vượt ngoài thập vạn ức cõi nước Phật so với cõi ta bà của ta có một cõi cực lạc tên là *Tịnh Độ*. Cõi này được bao quanh bởi *bảy hàng lan can, bảy hàng rèm che, bảy hàng cây rung rinh; thánh địa này của Chư La Hán là cõi sở hóa của các Như Lai* [Dhyan Chohans] và là chốn tu dưỡng của Chư Bồ Tát. Nó có *bảy ao quý*, ở giữa ao là tám loại nước công đức [bảy nguyên khí vốn phân thân từ Nguyên khí Duy nhất]. Hối Xá lợi Phất, đây chính là Devachan. Đóa hoa ưu đàm thiêng liêng cắm rễ *nơi bóng râm của trần thế* và nở hoa cho tất cả những kẻ nào vãng sinh về đó. Những kẻ nào vãng sinh vào thánh địa này quả thật là hạnh phúc vì không còn sự đau buồn nào hoặc phiền não nào đối với họ trong chu kỳ đó nữa. Vô số Chơn linh an dưỡng ở đó để rồi lại *trở về cõi của riêng mình*. [Những kẻ chưa dứt vòng luân hồi của các vành tiến hóa trên trái đất]. Lại nữa hối Xá lợi Phất, nhiều người vãng sinh về cõi cực lạc này là các bậc A bệ bạt tri (Avaivartyas) v.v. . ." [Theo sát nghĩa là các bậc bất thối chuyển, những người thuộc Cuộc tuần hoàn thứ Bảy v.v. .]. [Muốn có toàn văn bản dịch chữ Hán xin xem phần Kinh tạng Phật giáo của Beal, trang 378, 382].

**Hỏi: 2.** *Thế mà ngoại trừ sự thật là thời gian kéo dài trên cõi Devachan vốn hạn chế thì có sự giống nhau rất nhiều giữa tình trạng này với Thiên đường của tôn giáo thông thường (bỏ qua những ý tưởng nhân hình về Thượng Đế).*



**Đáp:** Chắc chắn là bản ngã mới một khi tái sinh vẫn còn nhớ lại được trong một thời gian nào đó, tỉ lệ với kiếp sống trên trần thế, “hoàn toàn nhớ lại được cuộc sống trên trần thế” (Xem câu hỏi trước của con). Nhưng nó *chẳng bao giờ* có thể từ Devachan trở lại trần thế được, ngay cả bỏ qua mọi “ý tưởng nhân hình về Thượng Đế”, thì Devachan cũng chẳng giống chút nào với Thiên đường hoặc Cõi Trời của bất kỳ tôn giáo nào và chính óc tưởng tượng văn chương của bà H. P. B. đã gợi ý cho bà so sánh một cách tuyệt diệu như thế.

**Hỏi: 3.** *Bây giờ tới thắc mắc quan trọng là ai nhập Cõi Trời tức Devachan? Phải chăng tình trạng này chỉ đạt được bởi một vài người rất tốt hoặc bởi nhiều người không xấu lắm, trong trường hợp đó xảy ra sau một thời gian dài vô thức, ấp ủ hoặc tự sinh?*

**Đáp:** “Ai nhập Devachan ư?” Cổ nhiên là phàm ngã nhưng đã được thánh hóa, tẩy trừ, linh thiêng. Mọi Chơn ngã – tổ hợp của nguyên khí thứ sáu và thứ bảy – sau thời kỳ tự sinh vô ý thức đều tái sinh vào Devachan – tất nhiên là vô tội và thanh khiết giống như một đứa trẻ sơ sinh. Sự thật việc y tái sinh cho thấy phần tốt vẫn thẳng thế so với phần xấu nơi phàm ngã cũ. Và trong khi ác nghiệp tạm thời bị dẹp sang một bên để rồi sẽ đeo đuổi y trong kiếp luân hồi tương lai trên trần thế, thì y chỉ mang theo mình những thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp tốt để nhập Devachan. Như con đã được dạy bảo nhiều lần trước kia, “xấu” là một từ tương đối với chúng ta và luật Báo phục là luật duy nhất không bao giờ sai lầm. Vì thế cho nên mọi kẻ nào không trượt dài xuống vũng lầy tội lỗi và thú tính không thể cứu chuộc nổi đều nhập Devachan. Sau cùng họ sẽ phải đền tội một cách tự nguyện hoặc không tự nguyện. Trong khi chờ đợi, họ được tưởng thưởng, họ nhận được *hậu quả* của những *nguyên nhân* mà họ đã gây ra.

Cổ nhiên có thể nói đó là một *trạng thái cực kỳ ích kỷ* trong đó bản ngã gạt hái phần thưởng của sự *vị tha* của mình trên trần thế. Y hoàn toàn bận tâm với nỗi cực lạc trong mọi cảm tình, ưu ái và suy nghĩ cá nhân trên trần thế và gạt hái được kết quả việc lập công bồi đức của mình. Không sự khổ sở, đau buồn, thậm chí không một bóng dáng phiền não xuất hiện làm mờ ám đi cái chân trời sáng lạng của niềm hạnh phúc không pha trộn của y, vì đó là một trạng thái “Hảo huyền” triền miên. Vì nhận thức có *ý thức* của phàm ngã trên trần thế chẳng qua chỉ là một giấc mơ phù du, cho nên cũng cái ý thức đó sẽ trở thành một giấc mơ nơi Devachan, chỉ có điều là cả trăm lần khuếch đại lên. Quả thật khuếch đại đến nỗi bản ngã hạnh phúc không thể nhìn xuyên qua được bức màn để chứng kiến những điều xấu xa, đau buồn và thống khổ mà những người được nó yêu thương trên trần thế phải gánh chịu. Nó sống trong một giấc mơ êm đềm với những người thân thương cho dù đã quá cổ hay vẫn còn trên trần thế; nó quẩn quít bên họ vốn cũng hạnh phúc, cực lạc và ngây thơ chẳng khác nào chính kẻ mơ mộng đang thoát xác; thế nhưng ngoại trừ một vài linh ảnh hiếm hoi thì những người còn sống trên hành tinh trọng trước này không cảm nhận được điều đó. Chính trong tình trạng này vốn hoàn toàn Hảo huyền mà các chơn linh hoặc bản ngã của những linh căn nhạy cảm thanh khiết, bác ái cũng vất vả với điều hảo huyền ấy vì nghĩ rằng những người thân thương đã giáng xuống với mình trên trần thế, trong khi chính chơn linh của họ đã được nâng lên tới tận vong linh của những người đang nhập Devachan. Nhiều cuộc giao tiếp tâm linh nơi *nội giới* – quả thật hầu hết các giao tiếp đó khi linh căn thanh khiết – đều đã có thực; nhưng đồng tử *chưa được điểm đạo* khó lòng mà ghi khắc vào tâm trí mình hình ảnh chân thực và chính xác về điều mà mình trông thấy và nghe thấy. Một số các hiện tượng tên là cơ bút (mặc dù hiếm hoi hơn) cũng là có thực. Có thể nói là chơn linh của linh căn đã bị ngắt ngậy do hào quang của vong linh nơi Devachan, trong một vài phút đã trở thành chính *cái phàm ngã đã quá cố* đó viết theo nét chữ của người quá cố, bằng ngôn ngữ và

theo tư tưởng của y trong buổi sinh thời. Hai chơn linh được hòa lẫn làm một; và việc chơn linh nào chiếm ưu thế so với chơn linh kia trong những hiện tượng đó sẽ xác định ưu thế của *phàm ngã* được phô bày đặc trưng qua những lời lẽ viết lách và nói năng trong lúc xuất thần đó. Điều mà con gọi là sự đồng thanh tương ứng quả thật là việc rung động phân tử thuộc phần tinh vi của người đồng tử còn mang xác đã được đồng nhất với rung động của phần tinh vi thuộc *phàm ngã* đã thoát xác.

Ta vừa mới lưu ý tới một bài viết về Khứu giác của một vị giáo sư người Anh nào đó (mà ta sẽ yêu cầu tờ *Nhà Thông Thiên Học* điếm báo để nói một vài lời) và thấy trong ấy có một điều gì đó áp dụng được cho trường hợp của con. [Đề cập tới bài báo của Giáo sư William Ramsay trong tờ *Thiên Nhiên*, số ngày 22 tháng 6 năm 1882; có một bài điếm báo trong tờ *Nhà Thông Thiên Học* số tháng 8 năm 1882 với tựa đề "*Các Hòa âm của Khứu giác*". Xem Phụ lục C.] Cũng như trong âm nhạc, hai âm thanh khác nhau có thể hòa âm mà vẫn phân biệt được riêng rẽ - sự hài hòa hay thiếu hài hòa này tùy thuộc vào sự rung động đồng bộ và chu kỳ bổ sung - cũng vậy có sự đồng thanh tương ứng giữa đồng tử và vong linh kiểm soát khi các phân tử tinh vi của họ rung động hài hòa với nhau. Và vấn đề liệu sự giao tiếp sẽ phản ánh tính đặc dị của *phàm ngã* này hay *phàm ngã* kia được xác định qua cường độ tương đối của hai tập hợp rung động trong sóng phức hợp nơi *Akasa*. Các xung lực rung động càng ít đồng nhất với nhau thì thông điệp càng mang nhiều hơi hám của người đồng tử và ít tinh hoa của thực thể tâm linh. Như vậy con có thể đo lường tình trạng đạo đức của người đồng tử qua trí tuệ của vong linh kiểm soát được viện dẫn và sự trải nghiệm tính chân thực của con sẽ hết muốn gì nữa.

**Hỏi: 4.** *Phải chăng có rất nhiều biến thể của tình trạng bên trong giới hạn của cái gọi là Devachan, sao cho mọi người đều mơ tới được cái trạng thái thích đáng ấy mà từ đó họ sẽ sinh vào cái tình huống cao hay thấp của thế giới nguyên nhân sắp đến? Thật hoài công khi muốn nhân lên các giả thuyết: chúng con muốn có một thông tin nào đó để tiếp tục.*

**Đáp:** Đúng vậy, có rất nhiều biến thể trong các trạng thái Devachan và như con nói, nó cũng có nhiều biến thể cực lạc giống như trên trần thế có những sắc thái nhận thức và năng lực thẩm định được sự tưởng thưởng đó. Đây là một thiên đường lý tưởng do chính bản ngã tạo ra và tự tay y lấp đầy nó bằng phong cảnh, ken đặc nó bằng những sự việc mà lèn chặt vào đó những người mà y trông mong sẽ tìm được trong một trạng thái cực lạc tưởng thưởng cho mình. Chính cái biến thể đó sẽ dẫn dắt *phàm ngã* nhất thời đi theo cái dòng tái sinh dẫn tới một tình trạng cao hoặc thấp trong thế giới nguyên nhân sắp đến. Trong thiên nhiên, nhất là nơi nội giới, mọi việc đều được điều chỉnh hài hòa sao cho các đấng Như Lai (tức Dhyana Chohans vốn dẫn dắt xung lực) không bao giờ phạm phải một lỗi lầm nào.

**Hỏi: 5.** *Xét theo phiên diện của ý tưởng này thì một trạng thái thuần túy tâm linh chỉ được vui hưởng bởi những thực thể có trình độ tâm linh cao trong kiếp này, nhưng thế còn vô số những người rất tốt về mặt đạo đức nhưng không có khuynh hướng tâm linh thì sao? Làm thế nào họ mang theo những hồi ức về kiếp này mà lại thích ứng được với việc chuyển từ trạng thái tồn tại vật chất sang trạng thái tồn tại tâm linh?*

**Đáp:** "Tình trạng tâm linh" này chỉ tương phản với tình trạng vật chất thô trước của chính ta thôi, và như ta có nêu rõ, chính cái mức độ tính linh đó cấu thành và xác định đủ thứ biến thể của tình trạng trong phạm vi của Devachan. Một bà mẹ thuộc một bộ lạc dã man cũng không kém phần hạnh phúc hơn một bà mẹ trong cung điện nhà vua khi ôm đứa con đã mất trong vòng tay mình; và mặc dù là các bản ngã thực sự, thì trẻ con chết

yếu trước khi đủ bảy tuổi không tìm đường nhập Devachan, thế nhưng óc tưởng tượng yêu thương của người mẹ vẫn tìm thấy con mình ở đó, không thiếu một đứa nào mà tâm hồn bà khao khát. Con bảo rằng đó chỉ là một giấc mơ, nhưng xét cho cùng thì chính cuộc sống nơi ngoại giới chẳng qua cũng chỉ là một hoàn cảnh các điều không có thực sống động hay sao? Vui sướng mà một người da đỏ nhận thức được trên mảnh đất này, y khoái chí sẵn bán ở vùng mơ mộng đó cũng không kém phần mãnh liệt so với sự đê mê mà kẻ sành điệu cảm thấy khi trải qua vô lượng kiếp trong sự khoái lạc ngất ngây lắng nghe những bản giao hưởng thiêng liêng của các đội đồng ca do những thiên thần tưởng tượng. Vì người da đỏ không có lỗi gì khi sinh ra là một kẻ dã man có bản năng giết chóc, mặc dù bản năng này khiến cho nhiều con thú vô tội bị giết chết, thế cho nên tại sao y không hưởng được phần thưởng của mình miễn là y thuộc loại một người cha, người con hoặc người chồng biết yêu thương. Trường hợp này sẽ khác hẳn, nếu cũng hành vi độc ác đó được thực hiện bởi một người văn minh có giáo dục chỉ vì mê thích thể thao. Kẻ dã man khi tái sinh chỉ chiếm địa vị thấp trên thang tiến hóa vì sự phát triển đạo đức của y còn bất toàn, trong khi Nghiệp quả của người văn minh ắt bị ô uế vì sự phạm tội đạo đức. Mọi người, ngoại trừ cái bản ngã bị luồng từ khí thô trực hút rút xuống cái dòng dẫn nó vào "Hành tinh Chết" – vệ tinh của trái đất xét về mặt thể chất cũng như tâm trí – người đó đều thích ứng chuyển vào một trạng thái tâm linh thích hợp với hoàn cảnh sống và phương thức tư duy trong kiếp trước của y.

Theo như ta đã biết và nhớ là, thì H. P. B. có giải thích cho ông Hume rằng nguyên khí thứ sáu của một người là một điều gì đó thuần túy tâm linh, cho nên không thể tồn tại hoặc hiện tồn *hữu thức* nơi Devachan, trừ phi nó đồng hóa được một vài thuộc tính trừu tượng và thuần túy trí tuệ của nguyên khí thứ năm tức hồn thú, tức Manas và ký ức của nó. Khi con người chết đi, thì nguyên khí thứ nhì và thứ ba chết theo y; *tam nguyên hạ* biến mất; các nguyên khí thứ tư, thứ năm, thứ sáu và thứ bảy hợp thành *tứ nguyên sống còn* (Xem lại trang 6, *Những Mảnh vụn Chơn lý Huyền bí*). [*Những Mảnh vụn Chơn lý Huyền bí* bao gồm 8 bài báo xuất hiện trong tạp chí *Nhà Thông Thiên Học* từ số tháng 10 năm 1881 tới số tháng 5 năm 1883. Những bài báo này không ai ký tên nhưng có tham chiếu những bức thư này và những bức thư của ông Sinnett, cho thấy rằng chúng thực tế là sản phẩm chung (ít ra là cũng vào lúc đầu) của ông Sinnett và ông Hume. Tuy nhiên bài báo thứ nhất dường như là của ông Hume. Bảy "Mảnh vụn Chơn lý" xuất hiện thành hai quyển sách nhỏ, quyển thứ nhất mang dấu ấn do "Hội Thông Thiên Học Quốc tế xuất bản", còn quyển thứ hai do "Hội Thông Thiên Học Quốc tế ấn hành"]. Từ đó trở đi là cuộc đấu tranh "một mất một còn" giữa các lưỡng nguyên thượng và hạ. Nếu lưỡng nguyên thượng thắng thì nguyên khí thứ sáu sau khi đã thu hút về mình tinh hoa *tốt đẹp* của nguyên khí thứ năm – cảm tình cao thượng, những hoài bão thánh thiện (mặc dù còn vướng vòng tục lụy) và những bộ phận tâm linh nhất của tâm trí – bèn theo bậc *Huỳnh trường* thiêng liêng tức nguyên khí thứ bảy nhập vào "trạng thái ập ủ tự sinh"; nguyên khí thứ năm và thứ tư vẫn còn liên kết với nhau thành một cái vỏ rỗng tuếch (cách diễn tả này hoàn toàn chính xác) lang thang trong bầu hào quang trái đất và đã mất hết một nửa trí nhớ cá nhân, các bản năng nhiều thú tính hơn vẫn còn sống động trọn vẹn trong một thời gian nào đó – tóm lại đó là một "Âm ma". Đây là vị "Thiên thần hướng dẫn" của người đồng tử trung bình. Nếu mặt khác, *lưỡng nguyên* thượng bị thua trận thì chính nguyên khí thứ năm đồng hóa được hết những gì còn lại vì ký ức cá nhân và nhận thức cá tính nơi nguyên khí thứ sáu. Nhưng khi có thêm đủ mọi dự trữ này nó vẫn ở lại được Kama Loka, tức cõi Dục vọng trong bầu hào quang trái đất; trong một thời gian rất ngắn, giống như một cọng rơm trôi nổi bên trong những xoáy lốc và hố sâu xoáy tròn nó bị bắt giữ và thu hút vào dòng xoáy vĩ đại các bản ngã của con người; trong khi đó nguyên khí

thứ sáu và thứ bảy giờ đây là một *chơn thần thuần túy* tâm linh chẳng còn giữ được gì thuộc phạm ngã vừa qua, cho nên không phải trải qua thời kỳ “ấp ủ tụ sinh” theo thông lệ (vì làm gì có phạm ngã được *tẩy trước* mà tái sinh nữa), sau một thời kỳ ít nhiều lâu dài an dưỡng vô ý thức trong không gian vô tận, Chơn thần sẽ được tái sinh nơi một phạm ngã khác trên hành tinh kế tiếp. Khi tới thời kỳ có ý thức cá biệt trọn vẹn xảy ra trước tâm thức *tuyệt đối* nơi cõi Đại Niết Bàn, thì kiếp sống phạm ngã bị mất này trở nên giống như một trang giấy bị xé ra khỏi quyển Sổ Bộ Đời, thậm chí không còn một cái cuống nào rơi rớt lại để đánh dấu sự vắng mặt của nó. Chơn thần đã được *tẩy trước* không nhận thức mà cũng chẳng nhớ tới nó trong hàng loạt các kiếp tái sinh đã qua, nếu nó đi tới “cõi sắc giới” thì việc thoáng thấy hồi cố cũng chẳng nhận thức được ngay cả dấu hiệu nhỏ nhất để biểu thị rằng đã có kiếp đó. Ánh sáng của tam niệ tam bồ đề, Samma-Sambuddha,

Cái ánh sáng chiếu soi vượt ngoài phạm vi hữu hoại của ta,

Ánh sáng của mọi sinh linh nơi mọi thể giới,

ánh sáng đó không rọi tia lên cuộc sống *phạm ngã* nơi hàng loạt các kiếp đã qua.

Để trấn an loài người, ta xin nói rằng một sự *tuyệt đối* xóa bỏ cuộc sống đó ra khỏi quyển sổ bộ đời của Tự tại vũ trụ thường thường không xảy ra đến mức tạo thành một tỉ lệ phần trăm lớn. Thật vậy, giống như nhiều trường hợp kẻ đần độn bẩm sinh hay được nhắc tới, một chuyện như thế là một ngoại lệ chứ không phải là thông lệ.

**Hỏi: 6.** *Và bây giờ liệu kiếp sống tâm linh trong đó mọi thứ đều hòa lẫn vào nguyên khí thứ sáu có tương thích chẳng với cái ý thức về cuộc sống cá biệt của phạm nhơn duy vật mà ta phải gán cho bản ngã nơi Devachan, nếu y còn giữ được ý thức phạm tục như được nêu rõ trong thông điệp của tạp chí “Nhà Thông Thiên Học”?*

**Đáp:** Ta tin rằng thắc mắc này đã được giải đáp thỏa đáng rồi. Khi tách rời khỏi phần còn lại thì nguyên khí thứ sáu và thứ bảy cấu thành “Chơn thần” bất tử, vĩnh hằng nhưng lại cũng *vô thức*. Muốn cho nó tỉnh táo, linh hoạt, sống động thì ý thức tiềm tàng – nhất là ý thức của *cá tính* cá biệt – cần phải có Chơn thần *cộng* với những thuộc tính cao nhất của nguyên khí thứ năm, tức hồn thú và chính cái đó tạo thành bản ngã vĩnh hằng, sống và hưởng thụ cực lạc nơi Devachan. Tinh thần tức phân thân vô nhiễm của Đấng Nhất Như – Đấng Nhất Như cùng với nguyên khí thứ sáu và nguyên khí thứ bảy tạo thành tam nguyên cao nhất – mà không có hai phân thân nào đồng hóa được, ngoại trừ những gì tốt đẹp, thanh khiết và linh thiêng; vì thế cho nên không một ký ức thiếu thánh thiện hoặc duy vật, đa dục nào có thể bám theo ký ức đã *tẩy trước* của bản ngã để nhập vào cõi cực lạc. Nghiệp quả của những ký ức về những hành vi và tư tưởng độc ác sẽ đeo đuổi bản ngã khi nó *thay đổi* phạm ngã trong thế giới nguyên nhân sau này. Trong mọi trường hợp thì *Chơn thần* tức “cá tính tâm linh” vẫn không bị ô nhiễm. Không một sự phiền não hoặc đau khổ về những ký ức đó được sinh ra nơi đây (nơi cõi Sắc giới thuộc Devachan) vì đây là *tịnh độ*. Mọi vùng trong không gian đều có những quốc độ đó (Sakwala), nhưng cõi cực lạc này là thanh khiết nhất. “Nhờ có sự thanh khiết cá nhân và sự tham thiên tha thiết, ta vượt qua được ranh giới của Dục giới để nhập vào Sắc giới” (Djnana-prasthan Shastra).

**Hỏi: 7.** *Cho đến nay dù sao đi nữa con đã quan niệm là thời kỳ ấp ủ tụ sinh giữa lúc chết và Devachan rất dài. Thế mà nghe nói trong một số trường hợp nó chỉ kéo dài có vài ngày và dường như hàm ý rằng không có trường hợp nào dài hơn một vài năm. Điều này*

*dường như đã được nêu rõ rệt, nhưng con xin hỏi liệu thầy có thể xác nhận mình bạch điều này chẳng vì đó là điều mà nhiều thứ khác lệ thuộc vào nó.*

**Đáp:** Đây là một thí dụ điển hình khác của thói quen lộn xộn mà bà H. P. B. thường sắp xếp những thứ trong tâm trí mình. Bà nói về "Bardo", [Trong bài báo được đề cập ở câu hỏi 1] mà thậm chí cũng chẳng chịu nói cho bạn đọc biết Bardo nghĩa là gì; cũng như phòng viết lách của bà hết sức ngổn ngang thì tâm trí bà còn mười lần lộn xộn hơn nữa khi bà chất đầy những ý tưởng được chồng chất lên ở trạng thái hỗn độn đến nỗi khi bà muốn diễn tả ý tưởng này thì cái đuôi lại lòi ra trước cái đầu. "Bardo" chẳng dính dáng gì tới thời gian kéo dài trong trường hợp mà con đang nhắc đến. "Bardo" là thời kỳ giữa lúc chết và lúc tái sinh, nó có thể kéo dài từ một vài năm tới một thiên kiếp (kalpa). Nó được chia làm ba thời kỳ nhỏ: I- Khi bản ngã đã cắt đứt cuộn dây hữu hoại để nhập vào Kama Loka (tiếng Tây Tạng là *tuli-kai*), cõi của các âm ma. II- Khi bản ngã nhập vào "trạng thái ập ủ tụ sinh". III- Khi bản ngã tái sinh vào Sắc giới thuộc Devachan. Thời kỳ nhỏ thứ nhất có thể kéo dài từ một vài phút tới một số năm (cụm từ "một vài năm" ắt gây rối trí và hoàn toàn vô giá trị nếu không được giải thích hoàn chỉnh hơn nữa), thời kỳ nhỏ thứ hai như con nói kéo dài rất lâu, đôi khi lâu hơn con tưởng tượng nổi, thế nhưng tỉ lệ với nghị lực tâm linh của bản ngã, thời kỳ nhỏ thứ ba kéo dài tỉ lệ với thiện nghiệp, sau đó chơn thần lại luân hồi. Kinh A hàm (Agama Sutra) có dạy rằng, "Nơi nước Sắc giới này, chư thiên [các vong linh] cũng bị sinh, lão, bệnh, tử; điều này chỉ có nghĩa là bản ngã sinh vào cõi đó rồi bắt đầu tàn tạ đi và cuối cùng là chết" nghĩa là sa vào tình trạng vô ý thức xảy ra trước khi tái sinh luân hồi; quyển kinh kết thúc đoạn kinh nêu trên bằng cụm từ: "Khi chư thiên xuất lộ từ các cõi trời này, chư thiên lại sa xuống hạ giới", nghĩa là họ rời cõi cực lạc để tái sinh vào thế giới các nguyên nhân.

**Hỏi: 8.** *Trong trường hợp đó, giả sử rằng Devachan không chỉ là di sản của các Chơn sư và những người hầu như cao siêu đến mức đó thì ắt có một tình trạng hiện tồn chẳng khác nào cõi Trời đang thực sự tiếp diễn, từ trên đó hằng hà sa số người đã quá cố có thể giám sát cuộc sống trên cõi trần.*

**Đáp:** Dứt khoát rằng Devachan không chỉ là di sản của các Chơn sư và dứt khoát là có một "cõi Trời" – nếu con muốn dùng cái thuật ngữ địa lý thiên văn này của Ki Tô giáo – dành cho "hằng hà sa số người đã quá cố". Nhưng không ai giám sát được "cuộc sống trên trần thế" vì những lý do của các định luật Cực lạc và Hảo huyền mà ta đã trình bày rồi.

**Hỏi: 9.** *Và kéo dài bao lâu? Liệu cái tình trạng cực lạc tâm linh này kéo dài trong hàng năm, hàng thập niên, hàng thế kỷ?*

**Đáp:** Hàng năm, hàng thập niên, hàng thế kỷ và hàng thiên niên kỷ, thường thường còn nhiều hơn nữa. Tất cả đều tùy thuộc vào sự kéo dài của Nghiệp quả. Con hãy châm đầy dầu vào cái chén của Denny [Denny Sinnett là cậu con trai còn nhỏ của ông Sinnett] và cái bồn chứa nước của thành phố rồi hãy thắp sáng chúng lên xem cái nào cháy lâu hơn. Bản ngã là bắc đèn, còn Nghiệp quả là dầu, sự khác nhau về số lượng dầu (trong cái chén và trong bồn chứa) gợi cho con thấy sự khác nhau lớn lao về thời kỳ kéo dài của đủ thứ Nghiệp. Mọi hậu quả đều phải tỉ lệ với nguyên nhân. Và vì hạn kỳ tồn tại nhập thế của con người chỉ bằng một phần nhỏ thời kỳ tồn tại giữa hai lần sinh ra trong nội bộ Chu kỳ Thành trụ; cho nên những ý nghiệp, khẩu nghiệp và thân nghiệp thiện của bất kỳ "kiếp sống" nào trên bầu hành tinh đều là nhân tạo ra quả, việc thanh toán những hậu quả đó đòi hỏi nhiều thời gian hơn sự phát triển của những nguyên nhân hữu quan. Do đó khi con đọc trong *Bản sinh truyện* (Jatakas) và những chuyện "thần thoại" khác trong



kho kinh điển Phật giáo theo đó hành động tốt này hoặc hành động tốt kia được tưởng thưởng biết bao nhiêu Thiên kiếp cực lạc thì con cũng đừng mỉm cười trước sự ngoa ngoặc phi lý đó, mà hãy nhớ điều ta vừa nói. Từ một hạt giống nhỏ này sinh ra một cái cây mà kiếp sống của nó đã kéo dài được 22 thế kỷ - cây bồ đề Anuradhapura. [Cây này hiện nay còn ở Tích lan đã được chiết ra từ cái cây nguyên thủy mà Đức Phật đã đấng Phật quả dưới cây này. Sanghamitta (con gái của thánh vương Phật giáo A Dục) đã mang nó tới trồng ở Anuradhapura vào thế kỷ thứ ba trước Công nguyên. Nó vẫn còn tươi tốt].

Con cũng đừng cười nhạo nếu con đọc trong *Pindadana* hoặc bất kỳ kinh Phật nào khác và đoạn sau đây: "Giữa Dục giới và Sắc giới, có một nơi chốn là chỗ ngự của Ma vương [Thần Chết]. Ma vương này đầy lòng tham dục và đam mê, hủy hoại mọi đức hạnh chẳng khác nào cối đá nghiền nát ngũ cốc. [Con ắt thừa biết rằng Ma vương này là hình ảnh ẩn dụ của bầu hành tinh tên là Hành tinh Chết, là cái *vực xoáy* mà các sinh linh có số phận bị hủy diệt sẽ biến mất vào trong đó. Cuộc đấu tranh này xảy ra ở giữa Dục giới và Sắc giới]. Dinh thự của Ma vương rộng tới 7.000 do tuần vuông, bao quanh các bức vách gồm có *bảy lớp*". Vì bây giờ con đã được chuẩn bị tinh thần để hiểu được nhiều hơn phép ẩn dụ đó. Cũng vậy, khi Beal hoặc Burnouf hoặc Rhys Davids vì ngây thơ do là một linh hồn duy vật theo Ki Tô giáo mà sa đà vào những bản dịch như họ thường làm, chúng ta cũng không có ác ý với những phần bình luận của họ do bởi họ không biết được nhiều hơn. Nhưng liệu điều sau đây có thể nghĩa là gì: "Tên gọi của các cõi trời [dịch sai - Lokas không phải là cõi trời mà là cõi hoặc nơi chốn] dục vọng, Dục giới được gọi như thế vì sinh linh ở các cõi này còn muốn ăn uống, ngủ nghỉ và yêu thương. Chúng còn được gọi bằng tên khác là cõi của năm (?) cấp sinh linh hữu tình tức là chư thiên, người, a tu la, súc sinh, ngạ quỷ (Kinh Lautan, bản dịch của S. Beal). Điều này chỉ có nghĩa là nếu vị đại đức dịch giả mà đã quen thuộc với giáo lý chân chính hơn chút nữa thì trước hết ông phải chia Chư thiên ra thành hai lớp gọi là "Chư thiên Sắc giới" và "Chư thiên Vô sắc giới" (Các Dhyana Chohans có "hình tướng" thuộc ngoại giới và Dhyana Chohans "không có hình tướng" thuộc nội giới; hai là ông cũng phải làm như thế với lớp thuộc "con người" vì có lớp ma hình và lớp "Mara rupas" nghĩa là các cơ thể có số phận sẽ bị hủy diệt. Tất cả những thứ này là như sau: (1) Rupa devas tức Chư thiên Sắc giới, là các Dhyana Chohans có hình tướng (Xưa kia đã từng là người). [Các Chơn linh Hành tinh thuộc Trái đất không phải là cao nhất như con tưởng tượng vì như Subba Row có nói trong phần phê bình tác phẩm của Oxley, không một bậc Chơn sư Đông phương nào lại muốn mình được so sánh với một thiên thần hoặc Chư thiên - Xem Tạp chí *Nhà Thông Thiên Học* số tháng 5. [Triết lý về Tinh thần, với một bản dịch mới của *Chí tôn ca* do dịch giả William Oxley", được điểm sách trong Tạp chí *Nhà Thông Thiên Học* số tháng 12 năm 1881. Vào tháng 5 năm 1882 T. Subba Row cũng viết trên tạp chí nêu trên bài "Khảo sát theo quan điểm Bí truyền của Bà la môn giáo]. (2) Chư thiên Vô sắc giới tức Dhyana Chohans không có hình tướng (Xưa kia đã từng là người). (3) Hấp tinh quỷ (có hai nguyên khí) là loài ma hoặc ma hình. (4) Mararupas (có ba nguyên khí) là những cơ thể có số phận sẽ bị hủy diệt. (5) A tu la là các tinh linh ngũ hành có hình người. (6) Súc sinh, lớp thứ nhì của tinh linh ngũ hành có hình thú - hai lớp thứ 5 và thứ 6 tức A tu la và Súc sinh trong tương lai sẽ thành người. (7) Quỷ Dạ Xoa tức vong linh hoặc hình tướng tinh vi của các thầy phù thủy, những người đã đạt tới đỉnh cao của tri thức về huyền thuật bị cấm đoán; cho dù còn sống hay đã chết thì có thể nói là họ đã lừa gạt được thiên nhiên, nhưng chỉ tạm thời thôi cho tới khi hành tinh ta bước vào chu kỳ qui nguyên, sau đó dù muốn hay không thì họ cũng bị *hủy diệt*. [Trong bộ luận A tỳ đạt ma (Abidharma Shastra) (Siêu hình học Phật giáo) ta đọc thấy "Đức Phật dạy rằng ở ngoại vi của mọi quốc độ đều có một khoảng tối đen, kẻ nào lọt vào đó thì chẳng thấy được ánh sáng mặt trời hoặc mặt trăng. Không thể

tái sinh từ nơi này. Đó tức là đại Địa ngục, tức *hàn băng* Địa ngục. Đó là A tỳ]. Bầy nhóm này tạo thành cách phân chia chính yếu các cư dân nội giới xung quanh ta. Trong lớp thứ nhất có các đấng thông tuệ Cai trị thế giới vật chất này, mặc dù rất thông tuệ nhưng các ngài chẳng qua chỉ là công cụ ngoan ngoãn mù quáng của ĐĂNG NHẤT NHƯ tức là các tác nhân hoạt động của một Nguyên khí Thụ động.

Và thế là họ hầu như dịch sai và thuyết giải sai mọi Kinh điển của chúng ta, thế nhưng ngay cả cái mở rỗi ren các giáo lý và ngôn từ đó đối với kẻ nào chỉ biết hời hợt được giáo lý chân chính thì cũng có được nền tảng vững chắc để dựa vào đó. Vậy là chẳng hạn như khi liệt kê bảy Cõi – của Dục giới, kinh *Hoa Nghiêm* có trình bày cõi thứ bảy là “Cõi Nghi Ngờ”. Ta yêu cầu con hãy nhớ tên gọi này vì sau đây chúng ta sẽ nhắc tới nó. Trong phạm vi của cõi hậu quả, thì mỗi thế giới như thế đều có một Đấng Như Lai, tức Dhyana Chohan để hộ trì và giám sát nó chứ không can thiệp vào nó. Dĩ nhiên trong số mọi người thì các nhà Thần linh học sẽ là những người đầu tiên bác bỏ giáo lý của chúng ta, vứt nó vào luyện ngục của những “điều mê tín dị đoan đã bị lật tẩy”. Nếu chúng ta đoán chắc với họ rằng mỗi một trong Thế giới Trường hạ của họ đều có bảy nhà trọ, trong đó với bảy “Vong linh Hướng dẫn” là “thủ trưởng” rồi gọi các “thiên thần” này là thánh Peters, thánh Johns và thánh Ernests thì họ ắt dang rộng tay ra hoan nghênh chúng ta. Nhưng có ai nghe tới các Đấng Như Lai, Dhyana Chohans, A tu la và tinh linh ngũ hành đâu? Thật là chẳng đâu vào đâu! Thế mà chúng ta cũng được bạn của mình (ít ra là ông Eglington) công nhận có được một “kiến thức nào đó về khoa học huyền bí” (Xem Tạp chí *Ánh sáng*), và thế là ngay cả có một chút xíu “kiến thức” như thế để phục vụ con, giờ đây ta cũng đủ sức trả lời câu hỏi sau đây của con.

**Hỏi: 10.** *Liệu có trạng thái trung gian nào giữa sự cực lạc tâm linh nơi Devachan và một cuộc sống âm u tàn tạ của những tàn tích âm ma chỉ bán ý thức của con người đã mất nguyên khí thứ sáu? Bởi vì nếu quả có thể thì nó có thể cung ứng một chỗ đứng cho việc tưởng tượng ra các vị Ernests và Joeys của những đồng tử tâm linh chính là một loại vong linh kiểm soát tốt hơn. Nếu thế thì chắc chắn là phải có một thế giới rất bình dân từ đó có thể xuất phát bất kỳ số lượng giao tiếp tâm linh nào.*

**Đáp:** Bạn hỏi, tiếc thay là không theo chỗ ta biết. Từ Tịnh độ (Sukhavati) mãi cho xuống tới “cõi nghi ngờ” có rất nhiều trạng thái tâm linh; nhưng ta chẳng biết tới một “trạng thái trung gian” nào giống như thế. Ta đã cho con biết về các Quốc độ (Sakwalas), (mặc dù ta không thể liệt kê chúng vì cũng chỉ hoài công thôi); và thậm chí cho con biết về A tỳ tức “Địa ngục” mà không thể tái sinh trở lại từ đó và ta chẳng còn gì để nói với con nữa. “Hình bóng tàn tạ” của u hồn phải làm hết sức mình. Ngay khi nó đã bước ra ngoài Dục giới và băng qua “Kim Kiều” dẫn tới “bảy Kim Sơn”, thì bản ngã không còn trò chuyện được nữa với những người đồng cốt để giao du. Không một Ernest hoặc Joey nào đã từng trở về từ Sắc giới chứ đừng nói tới Vô sắc giới để mà giao tiếp thân mật với người phàm tục.

Dĩ nhiên có một loại tàn tích tốt hơn các “ma hình” tức những “kẻ đi lang thang trên trần thế” (chúng được gọi như thế ở đây) không nhất thiết *đều* là xấu cả. Nhưng ngay cả những kẻ tốt cũng nhất thời bị đám đồng cốt làm cho xấu đi. Các ma hình cũng chẳng màng vì dù sao đi nữa chúng đâu có gì để mà mất. Nhưng có một loại “vong linh” khác mà chúng ta đã quên mất; đó là những người tự tử và *bất đắc kỳ tử*. Cả hai loại đều có thể giao tiếp và cả hai đều phải trả giá đắt cho những sự giao du như thế. Và bây giờ ta phải giải thích ta ngụ ý muốn nói gì. Được thôi, đây là lớp vong linh mà các nhà Thần linh học Pháp gọi là những *vong linh đau khổ*. Chúng là ngoại lệ đối với những thông lệ vì chúng còn ở lại trong phạm vi sức hút của trần thế trong bầu hào quang trái đất, tức

Kama Loka cho tới phút cuối cùng của điều lẽ ra là hạn kỳ tự nhiên trong kiếp sống của họ. Nói cách khác thì cái đợt sóng tiến hóa của kiếp đặc biệt đó phải chạy hết lên tới tận bờ bên kia. Nhưng thật là tội lỗi và độc ác khi làm sống lại ký ức của chúng, tăng cường nỗi đau khổ của chúng bằng cách cho chúng có cơ may sống một cuộc đời giả tạo – cơ may này làm cho chúng nặng Nghiệp thêm – bằng cách cám dỗ chúng chui vào những cánh cửa bỏ ngõ, nghĩa là đám đồng cốt và linh căn nhạy cảm – vì chúng phải trả giá đắt cho khoái lạc như thế. Ta xin giải thích rằng kẻ tự tử khi điên rồ hi vọng rằng mình sẽ trốn thoát được cuộc đời, lại thấy mình vẫn còn sống nhăn vì đã đau khổ đủ trong chính kiếp sống này. Sự trừng phạt của chúng đã làm tăng cường sự đau khổ đó. Sau khi hành động một cách xuẩn động đến nỗi bị mất nguyên khí thứ sáu và thứ bảy – mặc dù không mãi mãi vì có thể thu hồi trở lại cả hai được – thay vì chấp nhận chịu hình phạt để có được cứu chuộc, chúng lại thường đâm ra *nuối tiếc* cuộc sống và bị cám dỗ bám víu trở lại cuộc sống bằng những phương tiện tội lỗi. Nơi Kama Loka tức cõi của các ham muốn mãnh liệt, chúng có thể thỏa mãn được những khát khao trần tục của mình qua một *kiếp sống* tầm gửi và khi làm như thế đến lúc kết thúc hạn kỳ sống tự nhiên thì chúng thường mất Chơn thần mãi mãi. Còn về phần những người bất đắc kỳ tử thì số phận của họ còn tệ hơn nữa. Nếu họ không tốt và thanh khiết đến mức bị thu hút ngay tức khắc vào trong tiên thiên đại định (akashic samadhi) – nghĩa là lọt vào một trạng thái thiu thiu ngủ yên tịnh, một giấc ngủ đầy những giấc mơ lạc quan trọng đó họ không nhớ gì tới tai nạn mà vẫn nhờn nhờ sống giữa phong cảnh và những người bạn quen thuộc cho đến khi chấm dứt hạn kỳ sống tự nhiên của họ thì họ lại thấy mình sinh vào Devachan – thì một số phận u ám đang chờ đón họ. Vẫn là các u hồn bất hạnh, nếu đầy tội lỗi và đa dục thì họ sẽ đi lang thang (không phải là ma hình vì mỗi liên hệ với hai nguyên khí cao chưa hoàn toàn bị cắt đứt) cho tới khi giờ *chết* đã điểm. Vì bị cắt đứt liên hệ trong khi còn tràn đầy nhựa sống với những đam mê trần tục ràng buộc họ với khung cảnh quen thuộc, họ bị cám dỗ bởi những cơ hội mà đám đồng cốt cung cấp để thỏa mãn dục vọng qua kiếp sống tầm gửi. Đó là các Hấp tinh quý, con Yêu râu xanh thời Trung cổ, những con Quỷ phàm ăn tục uống, đa dâm và hà tiện; loại Âm ma rất quỷ quyết độc ác và tàn bạo, chúng khiến cho nạn nhân bị kích động phạm vào những tội ác khủng khiếp và hả hê khi thấy nạn nhân phạm tội. Chúng chẳng những phá hoại nạn nhân mà các con ma cà rồng tâm linh này khi bị cuốn theo dòng thác các lực thôi thúc địa ngục đó, cuối cùng vào lúc kết thúc chu kỳ sống tự nhiên đã ấn định thì chúng sẽ bị mang ra khỏi bầu hào quang của trái đất để nhập vào các vùng mà trải bao nhiêu thời đại chúng phải chịu đau khổ ghê gớm và kết thúc bằng cách hoàn toàn bị tiêu diệt.

Nhưng nếu kẻ bất đắc kỳ tử không quá tốt hoặc quá xấu, chỉ là một người làng nhàng thôi thì điều này có thể xảy ra cho y: một người đồng cốt hấp dẫn y sẽ tạo ra cho y những sự vật bất hảo nhất, là một tổ hợp mới các *uẩn* và một ác Nghiệp mới.

Nhưng ta xin minh giải cho con, trong trường hợp này ta dùng từ Nghiệp với nghĩa gì. Vấn đề này ta xin báo cho con biết trước vì dường như rất quen thuộc tới đề tài đó cho nên con chẳng thể làm gì được tốt hơn là nghiên cứu hai giáo lý về Nghiệp quả và Niết Bàn càng sâu sắc bao nhiêu càng tốt bấy nhiêu. Nếu con không hoàn toàn quen thuộc với hai giáo điều này – là chìa khóa kép của môn siêu hình học trong bộ A tỳ đạt ma (Abhidharma) – thì con ắt luôn luôn thấy mình chới với khi rón tìm hiểu phần còn lại. Chúng ta có nhiều loại Nghiệp quả và Niết Bàn với đủ thứ ứng dụng trong vũ trụ, là thế giới của Chư thiên, Chư Phật, Chư Bồ tát, loài người và súc sinh; thế giới này bao gồm bảy giới thiên nhiên. Nghiệp quả và Niết Bàn chẳng qua chỉ là hai trong số bảy bí nhiệm lớn của siêu hình học Phật giáo và các nhà Đông phương học Tây phương chỉ biết được bốn trong số bảy điều đó mà thậm chí không được hoàn toàn nữa. Nếu con hỏi một tu sĩ

Phật giáo có học, Nghiệp quả là gì thì y sẽ bảo con rằng Nhân quả là điều mà Ki Tô hữu có thể gọi là Thiên hựu (Providence) (chỉ theo một ý nghĩa nào đó thôi), còn tín đồ Hồi giáo gọi là Số phận, Định mệnh (lại chỉ theo một ý nghĩa nào đó thôi). Có một giáo điều chính yếu dạy rằng ngay khi bất kỳ chúng sinh hữu tình hoặc hữu thức nào (cho dù đó là người, chư thiên hoặc súc sinh) chết đi, thì một sinh linh mới sẽ được tạo ra, nó tái xuất hiện trong một kiếp khác cũng trên hành tinh này hoặc hành tinh khác theo những hoàn cảnh mà trước đó nó đã tạo ra. Hoặc nói cách khác, thì Nghiệp quả là công năng dẫn dắt, còn Trishna (tiếng Nam phạn là *Tanha - ái dục*), lòng khao khát hoặc ham muốn sống cuộc sống hữu tình, gần đúng như lực hoặc năng lượng; kết quả của tác động do con người (hoặc con thú) từ các Uẩn cũ [Ta nhận thấy rằng trong ấn bản lần thứ nhì cũng như lần thứ nhất của tác phẩm *Thế giới Huyền bí* của con vẫn có chỗ in trong đó từ ngữ *Skandha* được đọc thành *Shandha*; [cách viết sai này "Shandha" của từ *Skandha* vẫn còn dai dẳng mãi tới lần in vừa qua năm 1921. Việc in sai kéo dài 41 năm bất chấp sự chỉnh lý của Chơn sư! Chỉ có phiên bản trực tuyến là in đúng ở trang 130 cho nên bây giờ người ta khiến cho chính ta diễn tả theo một cách thức rất lạ thường vì *giả sử* rằng đó là một Chơn sư] tạo ra cái nhóm mới vốn hợp thành sinh linh mới và kiểm soát bản chất sự ra đời của sinh linh đó. Hoặc nói cho rõ hơn, thì sinh linh mới được thưởng và phạt do công và tội của sinh linh cũ, Nghiệp tiêu biểu cho một quyển sổ kế toán trong đó mọi hành vi của con người dù tốt, xấu hay vô thường vô phạt đều được ghi chép cẩn thận vào hai mục có và nợ. Có thể nói là do chính y hoặc đúng hơn là do chính các hành động của y được ghi lại. Ở đó, trong khi sự hư cấu thi vị của Ki Tô giáo đã sáng tạo ra thấy có một thiên thần hộ mệnh "ghi sổ" thì lý luận nghiêm ngặt và thực tiễn của Phật giáo lại thấy rằng mọi nguyên nhân cần phải có các hậu quả đã chứng tỏ sự hiện diện thực tế của mình. Những kẻ chống đối Phật giáo nhấn mạnh rất nhiều tới việc giả định là bất công khi kẻ gây tội thì trốn thoát còn nạn nhân vô tội lại bị chịu đau khổ, vì kẻ gây tội và kẻ chịu khổ là hai sinh linh khác nhau. Sự thật là trong khi theo một ý nghĩa nào đó hai sinh linh này có thể được coi là khác nhau thì theo một ý nghĩa khác chúng lại *đồng nhất* với nhau. "Sinh linh cũ" là phụ mẫu duy nhất, cha và mẹ cùng một lúc của "sinh linh mới". Thật vậy, chính sinh cũ đã sáng tạo ra và uốn nắn sinh linh mới; sự thật còn rành rành hơn bất kỳ người cha bằng xương bằng thịt nào. Và một khi con đã hiểu rõ ý nghĩa của Ngũ Uẩn thì con sẽ hiểu ta ngụ ý muốn nói gì. Chính nhóm Uẩn đó đã tạo thành và cấu tạo nên cá thể tâm trí và thể xác mà ta gọi là con người (hoặc bất kỳ sinh linh nào khác). Theo giáo lý công truyền thì nhóm này gồm ngũ Uẩn là: *Sắc* tức các tính chất hoặc thuộc tính vật chất; *Thọ* tức các cảm giác; *Tưởng* tức các ý tưởng trừu tượng; *Hành* tức các khuynh hướng xét cả về thể chất lẫn tâm trí; và *Thức* tức các công năng trí tuệ, mở rộng của Uẩn thứ tư, có nghĩa là các bẩm tính về tâm trí, thể chất và đạo đức. Chúng ta còn thêm vào hai Uẩn nữa mà bản chất và tên gọi của nó con có thể học được sau này. Bây giờ con chỉ cần biết rằng chúng có liên quan tới và tạo ra *Sakkaya ditthi* (tà kiến về cá thể) và *Attavada* (sự chấp ngã), trong trường hợp của nguyên khí thứ năm tức linh hồn thì cả hai thứ đó đều dẫn tới sự Hảo huyền đầy tà kiến và niềm tin vào hiệu lực của những nghi thức và nghi lễ rỗng tuếch, vào việc cầu nguyện và buôn thần bán thánh. [Trong số mười "kiết sử" (xiềng xích) trên con Đường giải thoát thì ba kiết sử đầu tiên là: (1) tà kiến về cá thể chấp ngã, (2) nghi ngờ, (3) tin vào hiệu lực của các nghi thức và nghi lễ].

Bây giờ ta trở lại vấn đề sự đồng nhất giữa "bản ngã" cũ và "bản ngã" mới, một lần nữa ta xin nhắc cho con nhớ ngay cả khi khoa học của con đã chấp nhận một sự thật xưa như trái đất mà Đức Thế Tôn có dạy rõ ràng, [xem A tỳ đạt ma câu xá, kinh Tạng hoặc bất kỳ tác phẩm nào của Phật giáo Bắc tông, trong đó đều cho thấy Đức Phật Thích Ca có



dạy rằng cho dầu các Uẩn này là linh hồn thì bởi vì thể xác thường xuyên thay đổi và không một con người, con thú hoặc cây cỏ nào giống hệt như nhau trong hai ngày liên tiếp hoặc thậm chí trong hai phút, “Hỡi các Tì khuru! Nên nhớ rằng trong con người *không có bất kỳ nguyên khí thường trụ* nào và chỉ bậc đệ tử *hữu học* có được minh triết khi nói ‘tôi là’ thì mới biết mình đang nói cái gì”] điều này nghĩa là một người dù ở bất cứ tuổi nào trong khi xét về mặt thất tình lục dục vẫn như cũ thì xét về mặt thể xác lại không giống hệt như y cách đây chỉ mấy năm (chúng tôi xin nói rằng *bảy* năm và chuẩn bị để khẳng định và chứng tỏ điều đó); nói theo Phật giáo thì các Uẩn của y đã thay đổi, đồng thời chúng luôn luôn không ngừng hoạt động để chế biến cái khuôn trừu tượng, cái “ngục tù” của sinh linh *mới* tương lai. Được thôi, vậy thì nếu quả thật một người 40 tuổi sẽ vui hưởng hoặc phải chịu khổ vì hành động của người đó lúc 20 tuổi; cũng thế, sinh linh của kiếp sống mới có bản thể đồng nhất với sinh linh trước kia vì y là hậu quả do nó sáng tạo ra cho nên phải chịu những hậu quả mà cái bản ngã phàm ngã đó gây ra. Luật pháp Tây phương của con trừng phạt đứa con trai vô tội của một người cha phạm tội bằng cách truất bỏ các quyền của y được hưởng tài sản của bố mẹ; xã hội văn minh của con đóng cái dấu ô nhục lên đứa con gái vô tội của một bà mẹ phạm tội ác vô luân; Giáo hội Ki Tô và Kinh thánh của con dạy rằng Đức Chúa Trời bắt những đứa con mãi đến đời thứ ba, thứ tư phải chịu tội lỗi của tổ phụ, (tội tổ tông); phải chằng những điều đó còn bất công và độc ác hơn bất cứ thứ gì mà Nghiệp gây ra? Thay vì phạt cả kẻ vô tội lẫn người phạm tội thì Nghiệp quả báo oán kẻ phạm tội và thưởng cho kẻ vô tội, chuyện này đâu có ai trong số ba vị Vua Chuyên Chế Tây phương của con nêu trên đã từng nghĩ đến việc thực hiện. Nhưng có lẽ những kẻ phản đối trả lời nhận xét về sinh lý của ta nêu trên cho rằng chỉ có thể xác mới thay đổi và chỉ có một sự biến hóa phân tử chẳng dính dáng gì tới sự tiến hóa tâm trí; và các Uẩn chẳng những biểu diễn khía cạnh vật chất mà còn biểu diễn một tập hợp các tính chất tâm trí và đạo đức. Nhưng ta xin hỏi, liệu có một cảm giác, một ý tưởng trừu tượng, một khuynh hướng tâm trí hoặc một công năng trí tuệ nào mà người ta lại không thể gọi là một hiện tượng hoàn toàn phi phân tử hay chẳng? Liệu có thể nào có một cảm giác hoặc một tư tưởng trừu tượng nhất (vốn là một *điều gì đó*) mà lại xuất phát từ *hư vô* hoặc chính là *hư vô* hay chẳng?

Thế mà những nguyên nhân tạo ra “sinh linh mới” cũng như xác định bản chất của Nghiệp đã được ta nói là *Trishna* tức *Tanha*, lòng khao khát, ham muốn cuộc sống hữu tình và *Upadana* tức là việc thực hiện hoặc hoàn thành *Trishna* tức ái dục đó. Và người đồng cốt đã giúp khơi dậy và phát triển *tột bực* cả hai thứ này nơi một âm ma, cho dù đó là một kẻ tự tử hoặc một kẻ bất đắc kỳ tử (chỉ có các ma hình và các tinh linh ngũ hành là không bị rờ tới, mặc dù khía cạnh của các linh căn nhạy cảm tuyệt nhiên không được cải thiện qua việc giao tiếp đó). Theo thông lệ thì một người chết tự nhiên sẽ lẩn quẩn trong vòng “vài giờ cho tới vài năm ngắn ngủi” trong phạm vi hấp dẫn của trần thế, nghĩa là *Kama Loka*. Nhưng có ngoại lệ là trường hợp kẻ tự tử và những người nói chung là bất đắc kỳ tử. Vì thế chẳng hạn như có một bản ngã số mệnh đã định sống tới 80 hoặc 90 tuổi, nhưng nếu y tự tử hoặc bất đắc kỳ tử, giả sử như vào năm 20 tuổi thì y phải trải qua *Kama Loka* không phải trong vòng “vài năm” mà trường hợp này là tới 60 hoặc 70 năm với vai trò là một âm ma hoặc đúng hơn là một “kẻ lang thang trên trần thế”, vì không may cho y là thậm chí y cũng phải là một ma hình. Hạnh phúc thay, vô cùng hạnh phúc thay, khi so sánh với trường hợp đó là những thực thể đã thoát xác nhưng ngủ một giấc thiu thiu dài sống trong mơ mộng giữa lòng không trung! Và khổn khổ thay cho những kẻ nào bị Ái dục cuốn hút tới đám đồng cốt và khổn khổ thay cho đám đồng cốt, đã cảm dỗ người ta với một *Upadana* dễ dãi như thế. Đó là vì khi túm lấy đám âm ma để thỏa mãn lòng khao khát sống của chúng, người đồng cốt đã góp phần phát triển nơi âm



ma – quả thật là nguyên nhân của – một tập hợp mới của các Uẩn, một thể xác mới những khuynh hướng và đam mê tồi tệ hơn nhiều so với cái xác mà các âm ma vừa bị mất. Trọn cả tương lai của cái xác mới này đã được ấn định như thế đó, chẳng những bởi Nghiệp của cái tội lỗi thuộc tập hợp cũ mà còn bởi Nghiệp của cái tập hợp mới thuộc sinh linh tương lai. Như ta có nói nếu người đồng cốt và các nhà Thần linh học mà biết rằng mỗi “thiên thần hướng dẫn” mới mà họ hoan nghênh một cách ngây ngất đều cảm dỗ thiên thần này lọt vào một Upadana vốn sẽ tạo ra một loạt những điều tồi tệ khôn xiết cho bản ngã mới sẽ được tái sinh với cái hình bóng xấu xa đó; và cứ mỗi buổi lên đồng, nhất là buổi hiện hình thì họ đã nhân lên các nguyên nhân khổ khổ - những nguyên nhân khiến cho bản ngã bất hạnh không sinh ra vào cõi tâm linh được hoặc sẽ tái sinh vào một kiếp tồi tệ hơn bao giờ hết – thì có lẽ họ sẽ bớt hiểu khách lãng phí hơn.

Giờ thì con ắt hiểu được tại sao chúng ta lại mạnh mẽ chống đối Thần linh học và thuật đồng cốt đến thế. Và con ắt cũng hiểu được tại sao để thỏa mãn cho ông Hume ít ra theo một chiều hướng nào đó, ta lại gặp rắc rối với Đức Văn Minh Đại Đế [Xem phần dưới] và kỳ lạ thay với cả hai Sahibs nữa, cái “người thanh niên tên là [Ám chỉ “người thanh niên tên là Guppy” rất nổi tiếng với bạn đọc nào có đọc quyển tiểu thuyết ‘Căn nhà hoang vu’ của Dickens] – Scott và Banon. [Ross Scott thuộc Sở Công chánh Bengal, là con rể của ông Hume, còn Đại úy A. Banon thuộc về đoàn Bộ binh 39 của quân đội bản xứ Bengal]. Để làm cho con vui lòng, ta sẽ yêu cầu H. P. B. gửi cho con một trang trong “bản thảo của Banon”, trong đó có một bài báo mà y vo tròn lại làm cho cái bản ngã khiêm tốn của ta cũng cảm thấy nhói buốt về mặt văn chương. Những bóng dáng của A tu la mà bà thả rong qua một cơn giận dữ khi đọc cái lời chỉ trích khá bất kính này! Ta rất tiếc là bà không chịu đưa in nó xét vì “danh dự của gia đình” theo các diễn tả của “Kẻ bị truất quyền thừa kế”. [Damodar K. Mavalankar được gọi biệt hiệu như thế vì ông đã từ chối mọi gia sản để bám theo bà H. P. B. và nghe theo tiếng gọi của Chơn sư]. Còn về phần Đức Văn Minh Đại Đế thì vấn đề nghiêm trọng hơn nữa; ngài rất bất mãn vì ta đã để cho Eglington tin rằng đó là *chính ta*. Ngài đã cho phép bằng chứng về quyền năng nơi *người sống* này được cung cấp cho đám Thần linh học qua một người đồng cốt của họ [Sự việc này được tường thuật trong quyển *Thế giới Huyền bí* phần “kết luận”], nhưng ngài đã dành cho chúng ta việc phác họa chương trình và các chi tiết; vì thế cho nên ngài không vui trước một số kết quả tầm phào.

Bạn thân mến, ta xin nói ta còn ít được tự do hành động hơn nữa so với con xét về tờ báo *Tiền Phong* [Ông Sinnett là Tổng biên tập của báo *Tiền Phong*]. Không ai trong chúng ta ngoại trừ vị Thủ trưởng cao nhất hoàn toàn làm chủ được vấn đề này. Nhưng ta đã lạc đề, và bây giờ con đã được dạy dỗ và giải thích nhiều điều, con cũng có thể đọc bức thư này cho người bạn bất khuất của mình là bà Gordon [Bà Alice Gordon, vợ của Đại tá Gordon, ông đã làm chứng cho các hiện tượng phép lạ của H. P. B. trong quyển *Thế giới Huyền bí*]. Những lý do được nêu ra có thể dội một gáo nước lạnh lên bầu nhiệt huyết về Thần linh học của bà, mặc dầu ta có lý do để nghi ngờ điều đó; dù sao đi nữa nó có thể cho bà thấy rằng bản thân chúng ta không chống lại Thần linh học *chân chính* mà chỉ chống lại thuật đồng cốt không phân biệt và những sự biểu lộ trên cõi trần; những sự hiện hình và nhất là việc nhập xác gây xuất thần. Nếu người ta có thể khiến cho các nhà Thần linh học hiểu được sự khác nhau giữa tính bất tử của Chơn ngã và sự bất tử của phàm ngã, cũng như một số sự thật khác, thì có thể dễ dàng thuyết phục được họ là nhà Huyền bí học tin chắc vào tính bất tử của Chơn thần, nhưng lại chối bỏ tính bất tử của *phần hồn* vốn là hiện thể của *phàm ngã*, họ có thể tin chắc và bản thân thực hành được việc giao tiếp tâm linh với các bản ngã đã *thoát xác* nơi Sắc giới, thế nhưng lại cười nhạo cái ý tưởng điên rồ là “bắt tay” được một vong linh, và cuối cùng rõ ràng là chính các nhà

Huyền bị học và Thông Thiên Học mới là nhà Thần linh học chân chính, còn cái giáo phái tự xưng tự mọc như thế chỉ bao gồm những kẻ duy vật ham mê phép lạ.

Và bây giờ chúng ta phải bàn luận về “chơn ngã” và “phàm ngã”, thật kỳ lạ khi H. P. B. đã hành hạ bộ óc khốn khổ của ông Hume bằng những lời giải thích lộn xộn của mình; cho tới khi nhận được lời giải thích của chính ông ta thì bà chưa bao giờ nghĩ tới sự khác nhau giữa chơn ngã và phàm ngã mà đó chính cái giáo lý bà đã từng được dạy dỗ, nghĩa là giáo lý về Duyên giác thừa (*Pachcheka-yana*) và Bất tử thừa (*Amita-yana*). Hai thuật ngữ nêu trên do ông ta đưa ra là nhằm phiên dịch chính xác theo nghĩa đen hai thuật ngữ bằng tiếng Nam phạn, Bắc phạn và thậm chí tiếng Trung hoa-Tây Tạng nữa để chỉ nhiều *thực thể phàm ngã* hòa lẫn vào một *chơn ngã* duy nhất tức là một sợi dây dài bao gồm các kiếp sống xuất phát từ cùng một chơn thần bất tử. Vậy thì con phải nhớ rằng (1) Duyên giác thừa (tiếng Bắc phạn là *độc giác*) theo sát nghĩa là “cổ xe phàm ngã” tức là *phàm ngã*, tổ hợp của năm nguyên tố thấp; (2) Bất tử thừa (tiếng Bắc phạn là *cam lộ*) được dịch là “cổ xe bất tử” tức *chơn ngã*, hồn thiêng, tức Chơn thần bất tử, tổ hợp của các nguyên khí thứ năm, thứ sáu và thứ bảy.

-----  
**[Thư của A. P. Sinnett gửi H. P. Blavatsky  
Simla, ngày 25 tháng 7 năm 1882]**

Thưa phu nhân kính mến,

Tôi bắt đầu cố gắng trả lời bức thư của N. D. K. ngay lập tức [N. D. Khandalawala, vẫn còn là một hội viên của Hội Thông Thiên Học và là thành viên của Đại Hội Nghị. Bức thư này xuất hiện trên tạp chí *Nhà Thông Thiên Học* số tháng 11 năm 1882 hiển nhiên là nhiều tháng sau khi ông Sinnett đã đọc nó] để cho nếu Chơn sư K. H. thật sự có ý muốn để thông điệp đó xuất hiện trong số báo *Nhà Thông Thiên Học* xuất bản ngay kỳ tới vào tháng 8 thì nó có thể sẽ kịp lúc. Nhưng chẳng bao lâu sau tôi lại gặp chuyện rắc rối. Dĩ nhiên chúng tôi không nhận được thông tin nào rõ ràng là bao hàm vấn đề giờ đây được nêu ra, mặc dù tôi giả sử rằng chúng tôi có thể tổ hợp những mảnh vụn lại thành ra một câu trả lời. Khó khăn xoay quanh việc giải thích thực tiễn được câu đố của Eliphas Levi trong thông điệp của bà đăng trên tạp chí *Nhà Thông Thiên Học* ngày mùng 8 tháng 10. [Bài báo “Sự Chết”. Xem Phụ lục A.]

Nếu ông ta đề cập tới số phận của loài người hiện nay đang tồn tại, thì phát biểu của ông ta (theo đó đa số bản ngã trung bình đều bị thiên nhiên loại bỏ hoặc tiêu diệt) ắt mâu thuẫn trực tiếp với giáo huấn của Chơn sư K. H. Họ đâu có chết đi mà không nhớ gì hết, nếu họ còn giữ được trí nhớ nơi Devachan và lại khôi phục được trí nhớ (thậm chí nhớ được các phàm ngã đã qua giống như những trang giấy trong một quyển sách) vào thời kỳ có trọn vẹn ý thức chơn ngã trước khi có được tâm thức tuyệt đối nơi cõi Đại Niết Bàn.

Nhưng tôi chợt nghĩ rằng E. L. có thể đang bàn tới nhân loại xét chung chứ không là những người thuộc Cuộc tuần hoàn thứ Tư. Tôi hiểu rằng, một số lớn phàm ngã thuộc Cuộc tuần hoàn thứ Năm có số phận đã bị tiêu diệt và đây có thể là bộ phận nhân loại trung bình vô tích sự. Nhưng theo như tôi hiểu thì các Chơn thần tâm linh cá thể không bao giờ bị diệt vong cho dù bất cứ điều gì xảy ra đi chẳng nữa, và nếu một Chơn thần đạt tới Cuộc tuần hoàn thứ Năm với mọi phàm ngã trước kia được bảo tồn trong các trang giấy của quyển sách để chờ được đọc kỹ trong tương lai, thì y đâu có bị vứt bỏ và hủy diệt bởi vì một số trang sách thuộc Cuộc tuần hoàn thứ Năm của y “không thích hợp để

được xuất bản"; lại có khó khăn khi dung hòa hai phát biểu này. Nhưng lại nữa, liệu có thể quan niệm là một Chơn thần tâm linh mặc dù sống sót sau khi các trang giấy thuộc Cuộc tuần hoàn thứ Ba và thứ Tư đã bị loại bỏ mà lại không thể sống sót sau khi các trang giấy thuộc Cuộc tuần hoàn thứ Năm và thứ Sáu bị loại bỏ - việc thất bại không sống được cuộc đời tốt đẹp trong những Cuộc tuần hoàn này phải chăng có nghĩa là bị hủy diệt trọn cả cá thể vốn sẽ chẳng bao giờ đạt tới được Cuộc tuần hoàn thứ Bảy? Nhưng mặt khác nếu đúng như thế thì trường hợp của Eliphas Levi không thể được coi là giả thuyết, bởi rất lâu trước khi đó những cá thể nào hợp tác với Thiên nhiên vì điều ác ắt bản thân chúng đã bị hủy diệt do sự qui nguyên của hành tinh giữa Cuộc tuần hoàn thứ Năm và thứ Sáu, nếu không phải là cuộc qui nguyên giữa Cuộc tuần hoàn thứ Tư và thứ Năm vì chúng ta được dạy bảo rằng mỗi Cuộc tuần hoàn đều có một kỳ qui nguyên. Ở đây lại có một khó khăn khác vì một số người thuộc Cuộc tuần hoàn thứ Năm đã sẵn có nơi đây rồi nên chẳng biết rõ khi nào sẽ xảy ra kỳ qui nguyên. Liệu nó sẽ xảy ra sau khi có *các nhân vật tiên phong* thuộc Cuộc tuần hoàn thứ Năm vốn không được kể là khai mạc Cuộc tuần hoàn thứ Năm vì thời kỳ đó chỉ bắt đầu sau khi giống dân đang tồn tại hiện nay đã bị thoái hóa hết, nhưng điều này chưa xảy ra.

A.P.S.

### [Thư của A.O.Hume gửi Chơn sư K. H.]

Sư phụ thân mến,

Khi ngẫm lời trong *Các Mạnh vụ Chân lý* số III (mà thầy sẽ nhận được bản in thử chẳng bao lâu nữa), con có nói rằng nó còn lâu mới thỏa đáng mặc dù con đã làm hết sức mình. Cần đẩy cho giáo lý của Hội tiến thêm một giai đoạn nữa dần dần để cho các nhà Thần linh học phải sáng mắt ra; vì vậy con xin dẫn nhập vấn đề cấp thiết nhất là chuyện tự tử v.v. . . mà quan điểm đã được trình bày trong bức thư của thầy vừa qua gửi S. Được thôi, chính bức thư này dường như không thỏa đáng nhất đối với con, và nó sẽ đưa tới một số vấn đề mà con cảm thấy bối rối khi phải trả lời. Giáo lý đầu tiên của chúng ta cho rằng đa số hiện tượng ngoại giới đều do các ma hình, có 1 ½ và 2 ½ nguyên khí, nghĩa là các nguyên khí hoàn toàn cách ly với nguyên khí thứ sáu và thứ bảy. Nhưng khi triển khai thêm nữa chúng ta lại thừa nhận rằng có *một số vong linh* (nghĩa là các nguyên khí thứ năm và thứ tư không hoàn toàn cắt đứt với nguyên khí thứ sáu và thứ bảy) vốn cũng có thể có quyền năng trong phòng lên đồng. Đây là vong linh của những kẻ tự tử và bất đắc kỳ tử. Ở đây giáo lý cho rằng mọi làn sóng sinh hoạt đặc thù đều phải chạy hết tới tận bờ qui định của nó và ngoại trừ những kẻ *rất tốt* thì mọi vong linh cắt đứt quan hệ quá sớm với ba nguyên khí thấp phải ở lại trên trần thế cho tới giờ tiền định tức là lúc lẽ ra sẽ chết tự nhiên. Thế mà mọi điều này rất hay, nhưng nếu thế thì rõ ràng là nó đối nghịch với giáo lý trước kia của chúng ta vì các ma hình thì ít còn các vong linh lại nhiều.

Đó là vì làm sao phân biệt được chẳng hạn xét trường hợp những người đệ tử, liệu họ làm một cách có ý thức hay vô ý thức, liệu người đó cầm súng bắn vào óc mình hay chỉ uống rượu say sưa cho đến chết hoặc miệt mài nghiên cứu cho đến chết? Trong mỗi trường hợp này thì giờ chết thông thường tự nhiên đã được tiên liệu sẵn do đó kết quả là một vong linh chứ không phải ma hình. Hoặc lại nữa, làm sao phân biệt được liệu một người bị treo cổ vì tội giết người, bị tử trận, chết do tai nạn xe lửa hoặc thuốc nổ bùng lên, chết đuối hoặc chết cháy hoặc chết vì bệnh dịch tả, dịch hạch hoặc sốt rét rừng hoặc

bất kỳ cả ngàn lẻ một bệnh dịch nào khác mà mầm mống không có sẵn *ngay từ đầu* trong cấu tạo của y, song được dẫn nhập vào đó do hậu quả của việc y ngẫu nhiên viếng thăm một nơi chốn đặc thù nào đó hoặc nếm trải một kinh nghiệm đã biết nào đó mà lẽ ra y có thể tránh khỏi? Trong mọi trường hợp ấy thì giờ chết danh nghĩa bình thường cũng đã được tiên liệu sẵn, do đó kết quả là một vong linh thay vì là một ma hình. Ở nước Anh người ta tính được rằng không tới 15% dân số đạt được thời điểm chết bình thường và cộng thêm những cơn sốt, nạn đói và *di chứng* của chúng thì con e rằng tỉ lệ phần trăm ngay ở đây cũng không lớn hơn nhiều khi mà thiên hạ hầu hết là ăn chay và theo thông lệ thì sống trong những hoàn cảnh vệ sinh còn tồi tệ hơn nữa.

Cũng vậy, đại đa số mọi hiện tượng phép lạ trên cõi trần của các nhà Thần linh học theo biểu kiến là do các vong linh này chứ không phải các ma hình. Con rất hân hạnh nếu được có thêm những thông tin về vấn đề này. Còn một điều thú nhĩ nữa. Theo như con hiểu thì vong linh của những người tốt trung bình rất thường khi chết *tự nhiên*, vẫn còn sống sót một thời gian nào đó trong bầu hào quang trái đất từ vài ngày tới và năm; tại sao những vong linh như thế không thể giao tiếp được? và nếu họ có thể giao tiếp thì đây là một điều quan trọng nhất mà ta không được bỏ qua. Và ba là sự thật có hàng ngàn vong linh xuất hiện trong các giới lên đồng thanh khiết và dạy dỗ đạo đức cao siêu nhất; hơn nữa nói ra những sự thật rất quan trọng về cõi vô hình (bằng chứng là những sách của X. Y. Z. [Tôi xin bỏ đi tên thật và thay thế bằng X. Y. Z.] hết trang này đến trang kia trong sách đó đều giống hệt như những gì mà chính thầy dạy) và thật là vô lý khi giả sử rằng đó là các ma hình hoặc các vong linh xấu. Nhưng thầy chưa cung cấp cho con bất kỳ sự cởi mở nào đối với một số lớn các vong linh cao cấp thanh khiết; và chừng nào mà trọn cả lý thuyết còn chưa được trình bày một cách hoàn chỉnh và không dành chỗ đứng xứng đáng cho các vong linh đó (con thấy điều này dường như là một sự kiện đã được xác lập trọn vẹn), thì thầy sẽ chẳng bao giờ thu phục được các nhà Thần linh học. Con dám nói đó là câu chuyện xưa như trái đất – chỉ một *phần* sự thật được dạy bảo cho chúng con và phần còn lại bị giữ kín – nếu thế thì có khác gì cắt cổ Hội Thông Thiên Học. Tốt hơn là *đừng* nói gì với thế giới *bên ngoài* còn hơn là nói cho thế giới đó những sự thật nửa vời, họ sẽ dò ra ngay sự không hoàn chỉnh của những sự thật đó, kết quả là sự thật bị khinh bỉ bác bỏ mặc dù họ không thể chấp nhận nó ở trạng thái manh mún này.

Thân ái,  
A.O. Hume

### **Đáp:**

Cho đến nay ngoại trừ việc ông ta thường xuyên sử dụng các thuật ngữ “Thượng Đế” và “đấng Christ” vốn xét theo nghĩa bí truyền có nghĩa là *tốt* xét về cả hai mặt trừu tượng và cụ thể chứ chẳng có gì mang tính giáo điều hơn, thì Eliphas Levi không *trực tiếp* mâu thuẫn với giáo huấn của chúng ta. Đây lại là một cọng rơm bị gió thổi bay ra khỏi một đồng rơm, rồi gió lại lu loa buộc tội nó là thuộc về đồng rơm khác. Hầu hết những người mà con gọi là ứng viên của Devachan đều chết và tái sinh nơi Kama Loka, “không nhớ gì hết”, mặc dù (và cũng chỉ vì) họ có nhớ được phần nào nơi Devachan. Ta không thể gọi đó là nhớ hoàn toàn mà chỉ nhớ *một phần* nào thôi. Con khó lòng mà gọi là “nhớ” đối với một “giấc mơ” của con, một khung cảnh đặc thù nào đó trong những phạm vi hạn hẹp giới hạn một vài người, những người mà con yêu thương nhất với một tình yêu bất diệt, chỉ cái xúc cảm thiêng liêng đó mới sống sót chứ còn không nhớ một chút gì về bất kỳ sự việc hoặc khung cảnh nào khác? *Yêu* và *ghét* là những xúc cảm duy nhất *bất diệt*,

những xúc cảm duy nhất còn sống sót từ đám tro tàn của *te-damina* [Trong bản thảo viết như vậy mà người ta giả sử là chép sai từ bức thư nguyên bản] tức hiện tượng giới.

Vậy thì con hãy tưởng tượng, nơi Devachan có những người mà con yêu thương với tình yêu bất diệt đó, những khung cảnh lơ mờ quen thuộc liên quan tới họ đóng vai trò bối cảnh và hoàn toàn trống rỗng đối với bất kỳ thứ nào khác liên quan tới sinh hoạt nội tâm, xã hội, chính trị và văn chương của con; thế rồi đối diện với cái sự tồn tại tâm linh thuần túy nhận biết đó có cái niềm phúc lạc tinh nguyên vốn tỉ lệ với cường độ của xúc cảm tạo ra nó và kéo dài từ vài ngàn tới nhiều ngàn năm; nếu muốn con có thể gọi nó là "ký ức cá nhân của A. P. Sinnett". Con có thể nghĩ là tẻ nhạt chết người, nhưng ta xin đáp rằng tuyệt nhiên không có. Có bao giờ con cảm thấy tẻ nhạt trong cái lúc mà thỉnh thoảng con có xét đến, cái lúc cực lạc cao nhất mà con đã từng cảm nhận? Cố nhiên là không; được thôi; con cũng không cảm thấy gì hơn nữa ở đó khi con trải qua cái thời gian Vĩnh hằng trong đó một triệu năm cũng không kéo dài hơn một giây. Nơi đó đâu có ý thức về ngoại giới cho nên đâu có thể phân biệt được để biết có sự khác nhau, vì thế cho nên làm sao nhận thức được những điều tương phản mà cho là có tẻ nhạt hay muôn hình muôn vẻ; tóm lại, chẳng một thứ gì ngoại trừ xúc cảm bất diệt bao gồm tình thương và sự hấp dẫn đồng cảm mà hạt giống được gieo trồng nơi nguyên khí thứ năm; cái cây đó nở hoa xum xuê nơi và xung quanh nguyên khí thứ tư, nhưng rễ cây lại cắm sâu vào nguyên khí thứ sáu thì nó mới sống sót được so với các nhóm thấp hơn. (Và ở đây ta đề nghị nhất cử lưỡng tiện, trả lời cho bức thư của con và những thắc mắc của ông Hume cùng một lúc).

Nên nhớ rằng chính chúng ta *tạo ra* cả Devachan lẫn A tỳ trong khi vẫn còn ở trên trần thế và hầu hết là trong những ngày cuối cùng, thậm chí là những giây phút cuối cùng của sự sống có lý có tình của ta. Cái xúc cảm mạnh mẽ nhất nơi ta vào giờ phút trọng đại đó cũng giống như trong giấc mơ khi các biến cố của một cuộc đời dài tới tận chi tiết nhỏ nhất nhất diễn ra theo trật tự ngăn nắp nhất trong một vài giây qua linh ảnh của ta (linh ảnh đó diễn ra khi một người đã được tuyên bố là chết rồi; bộ óc là cơ quan cuối cùng bị chết), cái xúc cảm đó sẽ trở thành điều uốn nắn nổi cực lạc hoặc nổi khổ khổ của ta tức *nguyên sinh khí* của ta trong kiếp tồn tại tương lai. Trong kiếp tồn tại này, ta không có thực thể mà chỉ có một sự tồn tại tạm bợ ngay lúc đó, thời kỳ kéo dài của nó chẳng liên quan gì, chẳng có ảnh hưởng gì mà cũng chẳng dính dáng gì tới tự tại; và cũng giống như mọi tác dụng khác hay nguyên nhân phù du khác nó chỉ thoáng qua thôi và đến lượt nó sẽ biến mất không còn tồn tại nữa. Việc thật sự nhớ trọn vẹn được các kiếp sống của ta chỉ xảy ra vào cuối chu kỳ thứ yếu chứ không trước đó. Nơi Kama Loka, những người nào còn nhớ được ắt không vui hưởng trí nhớ đó vào giờ phút trọng đại hồi quang phản chiếu và chỉ có hai trường hợp ngoại lệ đối với *thông lệ tổng quát* này. Những người biết rằng thể xác mình chết đi chỉ có thể là Chơn sư hoặc là thầy phù thủy. Cả hai đều là "những người cộng tác với thiên nhiên", Chơn sư cộng tác với điều thiện, thầy phù thủy cộng tác với điều ác trong công trình sáng tạo và hủy diệt của thiên nhiên; chỉ có các vị này mới có thể được gọi là *bất tử* - cố nhiên là theo nghĩa của kinh Kabala và ý nghĩa bí truyền. Sự bất tử hoàn chỉnh và chân chính có nghĩa là tồn tại *hữu tình* vô hạn, không thể có sự ngưng nghỉ hoặc bị chặn đứng lại, *ngã* thức không thể bị dừng lại được. Và ngay cả ma hình của những người tốt (những trang giấy của họ ắt không bị mất đi trong Quyển Sổ Bộ Đời vĩ đại ở trước thềm Niết Bàn cao cả), ngay cả những người đó cũng chỉ nhớ lại được ngã thức của mình sau khi nguyên khí thứ sáu và thứ bảy, cùng với tinh hoa của nguyên khí thứ năm (nguyên khí thứ năm phải cung cấp vật liệu để cho phàm ngã ngay cả chỉ nhớ được một phần, đây là điều kiện cần cho đối tượng nơi Devachan) đã nhập vào thời kỳ tự sinh *chứ không trước đó*. Ngay cả trường hợp những



người tự tử và bất đắc kỳ tử thì tâm thức họ cũng cần một thời gian nào đó mới xác lập được trung tâm mới để tiến hóa, triển khai ra “nhận thức đúng đắn” (theo cách diễn tả của ngài W. Hamilton), từ đó mới riêng biệt được với “cảm giác đúng đắn”. Như vậy, khi người ta chết đi thì phần “hồn” tức nguyên khí thứ năm trở nên mất ý thức và không còn nhớ được gì về các sự việc nơi nội giới cũng như ngoại giới.

Cho dù y tạm trú nơi Kama Loka chỉ trong một vài phút giây, vài giờ, vài ngày, vài tuần, vài tháng hay vài năm; cho dù y chết tự nhiên hay bất đắc kỳ tử; cho dù y chết già hay chết trẻ; cho dù bản ngã y tốt, xấu hoặc vô thường vô phạt, thì ý thức của y cũng thành linh rời bỏ y giống như ngọn lửa rời bỏ bấc đèn khi ta thổi đèn tắt phụt. Khi sự sống đã triệt thoái ra khỏi hạt cuối cùng trong vật chất của bộ óc thì năng lực nhận thức của y mất đi mãi mãi, còn công năng tâm linh nhận biết và ý chí của y (tóm lại tất cả những năng lực không cố hữu nơi vật chất hữu cơ cho nên vật chất hữu cơ không thụ đắc chúng được) thì tạm thời mất đi. *[Viết như vậy trong bản thảo. Nhưng chắc chắn là bỏ sót một từ ngữ nào đó chẳng hạn như “tạm đình chỉ”]*. Áo thân của y thường có thể được phóng ra nơi ngoại giới như trong trường hợp hiện hình sau khi chết; nhưng nếu nó không được phóng ra một cách hiểu biết (cho dù ẩn tàng hay tiềm tàng) hoặc do cường độ của ham muốn đến thăm và xuất hiện trước một người nào đó, thì khi nó vọt qua bộ óc đang hấp hối, sự hiện hình chỉ có tính cách tự động; nó không do bất kỳ sự thu hút đồng cảm nào cả hoặc bất kỳ hành vi ý chí nào hết và chẳng khác gì ảnh phản chiếu của một người vô tình đi ngang qua gần một cái gương đâu có do nó muốn như thế. *[Ý nghĩa đủ rõ rồi, mặc dù dường như có một số từ thiếu sót đâu đó trong bản thảo]*. Sau khi đã giải thích lập trường như thế ta sẽ tổng kết và hỏi lại con xem tại sao con cứ khẳng khẳng cho rằng điều được Eliphas Levi trình bày và H. P. B. xiển dương là “mâu thuẫn trực tiếp” với giáo huấn của ta? E. L. là một nhà huyền bí học và môn đồ kinh Kabala, y viết cho những người giả sử là có biết những điều sơ cấp trong các tín điều thuộc kinh Kabala cho nên y dùng thuật ngữ đặc thù trong giáo lý của mình và H. P. B. cũng nối tiếp theo đó. Sự bỏ sót duy nhất mà bà mắc phải là không thêm từ ngữ “Tây phương” vào giữa hai từ cuối cùng là “Huyền bí” và “Giáo lý”. (Xem dòng thứ ba trong Chú thích của Ban biên tập) [Xem Phụ lục A]. Bà vốn cuồng tín theo kiểu của riêng mình và không thể viết điều gì có hệ thống với sự bình tĩnh, nên đâu có nhớ được rằng đại chúng cần đủ mọi lời giải thích minh bạch mà đối với bà có vẻ dường như là thừa. Và vì chắc chắn con cũng nhận xét, “nhưng trường hợp chúng con cũng thế và thầy dường như cũng quên như vậy”, cho nên ta sẽ giải thích thêm cho con một vài điều nữa. Như ta có nhận xét bên lề Tạp chí *Nhà Thông Thiên Học* số tháng 10, đối với các Điểm đạo đồ và huyền bí gia thì từ *bất tử* có nghĩa là khác hẳn.

Chúng ta chỉ gọi là “bất tử” khi đó là Sự Sống nhất như dưới dạng tập thể đại đồng thể giới và hoàn toàn hoặc tuyệt đối trừu tượng – nghĩa là một điều vô thủy vô chung và liên tục không ngừng nghỉ. Liệu thuật ngữ này có áp dụng được cho bất kỳ điều nào khác chẳng? Chắc chắn là không. Vì thế, người Chaldea ở sơ khai có nhiều tiền tố để ghép vào từ bất tử, một trong những thứ đó là tiếng Hi Lạp với thuật ngữ hiếm khi được sử dụng là *bất tử toàn vô lượng kiếp*, nghĩa là bắt đầu với Chu kỳ Thành trụ và kết thúc với Chu kỳ Hoại không của Thái dương hệ. Nó kéo dài một vô lượng kiếp tức “thời kỳ” của mọi “thiên nhiên”. Vậy thì bất tử là đẳng nào đã đạt được bất tử vô lượng kiếp có ý thức rõ rệt và nhận thức về bản ngã *dưới bất cứ dạng nào* không bị gián đoạn vào bất kỳ lúc nào, dù chỉ là một giây trong thời kỳ còn hữu ngã. Có nhiều thời kỳ này, mỗi thời kỳ có tên gọi riêng trong giáo lý bí nhiệm của người Chaldea, Hi Lạp, Ai Cập và Aryan, và nếu dịch chúng ra được – tức là không được, ít ra thì cũng chừng nào mà ý tưởng hữu quan đó vẫn còn không thể quan niệm nổi đối với tâm trí của người phương Tây – thì ta ắt đã cung

cấp cho con. Hiện nay ta chỉ cần biết rằng một người, một bản ngã như con hoặc ta chẳng hạn có thể bắt tử từ Cuộc tuần hoàn này sang Cuộc tuần hoàn khác. Giả sử ta bắt đầu bắt tử vào Cuộc tuần hoàn thứ Tư hiện nay, nghĩa là trở thành một Chơn sư thực thụ (tức là ta chưa thành Chơn sư thực thụ). [Chơn sư K. H. đã là "Chơn sư thực thụ" từ lâu rồi nhưng "Chơn sư D. K." thì chưa và tôi nghĩ rằng "Chơn sư D. K." viết đoạn này trong bức thư. Chẳng bao lâu sau đó – tôi tin vào năm sau – thì "Chơn sư D. K." đã trải qua cuộc Điểm đạo thứ Năm và trở thành "Chơn sư thực thụ"]. Ta tùy ý chặn được bàn tay của thần chết và khi cuối cùng bắt buộc phải thúc thủ trước thần chết thì sự hiểu biết của ta về những bí mật trong thiên nhiên giúp ta vẫn giữ được ý thức và nhận thức riêng biệt về bản ngã là đối tượng của ý thức suy tư của riêng ta cũng như sự nhận biết của ta; nhờ thế ta tránh được mọi sự phân ly các nguyên khí vốn theo thông lệ sẽ xảy ra sau khi kẻ phàm phu chết đi. Ta vẫn còn là Chơn sư K. H. nơi bản ngã của mình qua trọn cả chuỗi sinh tử luân hồi bằng ngang qua bảy cõi và các cõi Vô sắc giới cho tới khi cuối cùng ta lại tái sinh trên trái đất này trong đám người thuộc giống dân thứ năm của những người thực thụ thuộc Cuộc tuần hoàn thứ Năm. Trong trường hợp như thế, ta đã "bắt tử" trong một thời kỳ đối với con lâu không thể tưởng tượng được bao gồm nhiều tỉ năm. Thế nhưng được như vậy thì ta có *thực sự* bắt tử chẳng? Nếu ta không cố gắng như hiện nay để giúp cho mình có được một kỳ nghỉ phép khác đối với những định luật của thiên nhiên thì Chơn sư K. H. sẽ biến mất và có thể trở thành một ông Sinnett hoặc một Babu vô tội khi kỳ nghỉ phép của ngài đã hết hạn. Có những người trong số chúng ta có thể trở nên bắt tử đối với phần còn lại của các Cuộc tuần hoàn để rồi đạt được một vị trí qui định trong hàng ngũ các đấng Chohan cao siêu nhất, các Chơn linh Hành tinh có tự ngã *hữu thức*. Cố nhiên là Chơn thần "chẳng bao giờ chết cho dù điều gì xảy ra đi chẳng nữa" nhưng Eliphas Levi nói về *phàm ngã* chứ không phải chơn ngã.

Con đã hiểu sai giáo huấn vì con không hiểu điều mà giờ đây được dạy bảo (a) ai là những người thực sự *cộng tác* với thiên nhiên, (b) đâu phải mọi kẻ "cộng tác với thiên nhiên" về điều ác đều đọa vào Cõi thứ Tám và bị tiêu diệt (bị thành linh tiêu diệt với vai trò là các bản ngã con người, các phàm ngã tồn tại trong cõi thuần túy vật chất đó dưới đủ thứ dạng vật chất trong một thời gian không thể tưởng tượng nổi trước khi trở lại thành vật chất nguyên sơ). Nơi con người, mãnh lực thôi thúc làm điều ác cũng lớn, thậm chí còn lớn hơn tiềm năng thôi thúc làm điều thiện. Một ngoại lệ đối với thông lệ đó của thiên nhiên thì trong trường hợp các Chơn sư và thầy phù thủy đến lượt nó lại trở thành thông lệ, rồi thông lệ đó lại thêm ngoại lệ. Con hãy đọc kỹ đoạn mà C. C. M. [C.C. Massay, Chi trưởng Chi bộ Luân Đôn thuộc Hội Thông Thiên Học, một trong những người sáng lập nguyên thủy của Hội Thông Thiên Học vào năm 1875] bỏ sót không trích dẫn nơi đoạn ba, trang 352 – 353 bộ *Nữ thần Isis*, quyển I. Lại nữa, bà bỏ sót không nêu rõ rằng trường hợp được nhắc tới chỉ liên quan đến những thầy phù thủy cao tay ẩn mà việc hợp tác với thiên nhiên về điều ác cung cấp cho họ phương tiện khiến cho thiên nhiên cũng phải bó tay, vậy là ban cho họ sự bắt tử toàn vô lượng kiếp. Nhưng hỡi ôi, cái loại bắt tử ấy thì chẳng thà bị tiêu diệt kiếp sống còn sướng hơn! Chẳng lẽ con không thấy mọi thứ trong bộ *Nữ thần Isis* đều chỉ được phác họa, vẽ nguệch ngoạc, chứ chẳng có gì là hoàn chỉnh tức mang tính chất bộc lộ hay sao? Được thôi, đã đến lúc rồi đấy, nhưng biết lấy ai ra làm một nhiệm vụ gian nan như thế?

Ông Hume có bảo (xem bức thư đính kèm, những đoạn được đánh dấu) . . . Và bây giờ khi con đã đọc những lời phản đối về giáo lý *không thỏa đáng* nhất (theo cách diễn tả của ông Hume) – một giáo lý mà con trước hết phải học phần tổng thể, nhiên hậu mới tiến hành nghiên cứu từng bộ phận một – vì có nguy cơ cũng chẳng thỏa mãn được con hơn nữa, cho nên ta sẽ tiến hành giải thích thắc mắc của ông Hume).

Mặc dù không hoàn toàn bị cắt đứt với các nguyên khí thứ sáu và thứ bảy, và hoàn toàn có quyền năng trong phòng lên đồng, tuy nhiên cho tới ngày họ phải chết tự nhiên thì họ vẫn cách xa nguyên khí cao một trời một vực. Các nguyên khí thứ sáu và thứ bảy vẫn thụ động và tiêu cực, trong khi nếu là trường hợp bất đắc kỳ tử thì các nhóm cao và nhóm thấp thật sự thu hút lẫn nhau. Hơn nữa, trong trường hợp những bản ngã tốt bụng và vô tội thì nhóm thấp bị thu hút không cưỡng lại nổi hướng về nguyên khí thứ sáu và thứ bảy, thế là nó thiu thiu ngủ trong một giấc mơ hạnh phúc hoặc là ngủ một giấc ngủ sâu không mộng mị cho tới giờ chết tự nhiên. Chỉ cần suy nghĩ một chút và có chiều cố tới sự công bằng vĩnh hằng và việc ăn khớp của các sự vật, thì con cũng hiểu được tại sao như thế. Kẻ bất đắc kỳ tử cho dù tốt hay xấu đâu có chịu trách nhiệm về cái chết của mình; cho dù cái chết của y là do một hành động nào đó trong kiếp trước, tóm lại là một hành vi của luật Báo phục, thì nó cũng đâu có phải là kết quả *trực tiếp* của một hành vi do một *phạm ngã* cố tình phạm phải trong kiếp sống mà y ngẫu nhiên bị giết chết. Nếu y được phép sống lâu hơn, y có thể chuộc tội một cách hữu hiệu hơn nữa đối với những tội lỗi trước kia của mình; và ngay cả bây giờ thì bản ngã đó sau khi đã trả sạch nợ của kẻ gây nợ (bản ngã trước kia) thì nó đã thoát khỏi những cú trừng phạt của sự công bằng báo phục. Các đấng Dhyana Chohans vốn không nhúng tay vào việc dẫn dắt bản ngã con người còn sống đó, ắt che chở cho nạn nhân bơ vơ khi nó bị thô bạo giăng ra khỏi yếu tố của mình để nhập vào một yếu tố mới, trước khi yếu tố mới đã chín muồi, thích ứng và đã sẵn sàng cho nạn nhân. *Chúng ta dạy cho con điều mà chúng ta biết vì chúng ta học được điều đó bằng kinh nghiệm bản thân.* Con biết ta ngụ ý muốn nói gì và *ta chẳng thể nói được gì thêm nữa.* Thật vậy, những kẻ bất đắc kỳ tử cho dù tốt hay xấu đều ngủ cho đến khi thức tỉnh dậy vào giờ phút phán xét cuối cùng, nghĩa là giờ phút đấu tranh một mất một còn giữa nguyên khí thứ sáu cộng với nguyên khí thứ bảy, và nguyên khí thứ tư cộng với nguyên khí thứ năm trước thềm trạng thái ấp ủ tụ sinh. Và ngay cả sau lúc đó, khi nguyên khí thứ sáu cộng với nguyên khí thứ bảy đã mang đi một phần nguyên khí thứ năm để nhập vào Tiên thiên Tam muội (Akashic Samadhi), thì ngay cả khi đó vẫn có thể xảy ra trường hợp chiến lợi phẩm tâm linh của nguyên khí thứ năm tỏ ra quá yếu ớt nên không tái sinh nổi vào Devachan, trong trường hợp này nó bèn khoác lấy trở lại một cơ thể mới, là một "thực thể" nội giới do Nghiệp quả của kẻ bất đắc kỳ tử tạo ra (hoặc có trường hợp không phải là bất đắc kỳ tử) rồi bước vào một kiếp tồn tại mới trên trần thế cho dù ở trên hành tinh này hay bất kỳ hành tinh nào khác. Như vậy, ngoại trừ những kẻ tự tử và ma hình thì không có trường hợp nào có thể có một sinh linh nào khác bị thu hút vào phòng lên đồng. Và "rõ ràng là giáo huấn này đâu có "mâu thuẫn với giáo lý trước kia" theo đó ma hình thì nhiều, còn vong linh thì rất ít.

2. Theo thiên ý của chúng ta thì khác nhau rất nhiều. Chúng ta (vốn xem xét nó theo quan điểm tỏ ra không thể chấp nhận được đối với một Công ty Bảo hiểm Nhân thọ) cho rằng có rất ít (nếu có) người nào sa đà vào những thói xấu nêu trên mà cảm thấy hoàn toàn chắc chắn rằng một đường lối hành động như thế rốt cuộc sẽ khiến cho họ bị chết yểu. Đó là sự trừng phạt của Hảo huyền. Những thói xấu ắt sẽ không thoát khỏi bị trừng phạt, nhưng chính *nguyên nhân* chứ không phải hậu quả phải bị trừng phạt, đặc biệt khi đó là một hậu quả mặc dù có thể xảy ra nhưng không tiên đoán được. Nếu vậy ta cũng gọi một kẻ *tự tử* khi bị bão biển giết chết chẳng khác nào kẻ tự giết mình vì "quá miệt mài nghiên cứu". Nước phải chịu trách nhiệm đã làm người ta chết đuối và việc lao động trí óc quá nhiều cũng gây ra nhũn não có thể làm con người mất mạng. Trong trường hợp như thế chẳng ai dám bằng qua *Kalapani* ["Hắc thủy", một tên gọi bằng tiếng Ấn Độ để chỉ đại dương] cũng chẳng dám tắm vì sợ khi tắm sẽ bị ngất đi và chết đuối (tất cả chúng ta đều biết có những trường hợp như thế), người ta cũng chẳng dám làm

bốn phận chứ đừng nói tới xả thân vì một chính nghĩa đáng khen và rất có nhiều phúc lợi như nhiều người trong chúng ta (H. P. B. là một trong những người đó) vẫn làm. Liệu ông Hume có gọi bà là kẻ *tự tử* khi bà té lăn đùng ra chết vì công việc hiện nay? Động cơ thúc đẩy là hết thảy và con người bị trừng phạt trong trường hợp trực tiếp chịu trách nhiệm chứ không bao giờ trong trường hợp khác. Trường hợp kẻ bắt đắckỳ tử, giờ chết tự nhiên được tiên liệu một cách ngẫu nhiên trong khi trường hợp kẻ tự tử cái chết được tạo ra một cách cố ý, hoàn toàn biết rõ những hậu quả ngay trước mắt của nó. Thế mà một kẻ tự giết mình trong cơn điên rồ tạm thời không phải là tự tử vì chúng gây ra phiền não và rắc rối cho các Công ty Bảo hiểm Nhân thọ. Y cũng chẳng phải làm mỗi cho những cám dỗ ở Kama Loka, mà cũng bị ngủ thiếp đi giống như bất kỳ kẻ bị bắt đắckỳ tử nào khác. Một Guiteau [ngày mùng 2 tháng 7 năm 1881, Guiteau ám sát Tổng thống Garfield của Mỹ. Đến tháng 9 thì Garfield chết do những vết thương từ việc ám sát] sẽ không lẫn quẩn trong bầu hào quang của trái đất cùng với các nguyên khí cao, bất động và bị tê liệt nhưng vẫn còn đó. Guiteau sẽ nhập vào một trạng thái, trong thời kỳ đó y sẽ nhắm bắn vào Tổng thống, do đó làm xáo trộn và lung tung số phận của hàng triệu người, trong tình trạng này y sẽ bị đem ra xét xử rồi bị treo cổ, tằm mình trong những suy gẫm về hành vi và tư tưởng của mình, nhất là tư tưởng mà y sa đà vào đó khi ở trên đoạn đầu đài. Còn về phần những kẻ bị chết vì “bệnh dịch tả, dịch hạch hay sốt rét rừng” thì họ ắt không mắc bệnh đó nếu họ không có mầm mống phát triển thành những chứng bệnh đó ngay từ bẩm sinh. Vậy thì bạn thân mến, “đại đa số mọi hiện tượng trên cõi trần của các nhà Thần linh học” đâu phải “do các vong linh này” mà quả thật là do các “ma hình”.

3. “Các vong linh của những người tốt trung bình chết tự nhiên vẫn còn lẫn quẩn một thời gian trong bầu hào quang của trái đất từ vài ngày tới vài năm”, thời kỳ này còn tùy thuộc vào việc hợp giáp mặt với cái mà mình *tạo ra* chứ không phải là đấng Tạo ra mình, đây là một đề tài rất bí hiểm mà con sẽ học được sau này khi chính con cũng đã sẵn sàng rồi. Nhưng tại sao họ lại “giao tiếp”? Liệu những người mà con yêu thương có giao tiếp với con nơi ngoại giới trong khi họ đang ngủ chẳng? Các vong linh của con trong giờ phút nguy hiểm hoặc đồng cảm mạnh mẽ, rung động trên cùng một tuyến tư tưởng (trong những trường hợp như thế tạo ra một loại điện báo tâm linh giữa hai cơ thể của con), có thể gặp nhau và gây ấn tượng hổ tương lên ký ức của con; nhưng lúc đó con là những cơ thể *còn sống* chứ đâu đã chết. Nhưng làm thế nào mà một nguyên khí thứ năm vô ý thức như thế lại có thể gây ấn tượng hoặc giao tiếp được với một cơ thể còn sống nếu nó chưa trở thành một ma hình? Nếu vì lý do nào đó, chúng vẫn còn ở trong trạng thái hôn thụy trong nhiều năm thì các chơn linh của người còn sống có thể thăng lên tới chúng. (Con đã được dạy bảo như thế rồi); lúc bấy giờ sự giao tiếp có thể diễn ra còn dễ hơn nơi Devachan nữa, nơi mà vong linh quá bận tâm với sự cực lạc cá nhân của mình nên đâu có chú ý gì nhiều tới một yếu tố chen vào. Ta nói rằng chúng *không thể* làm được điều đó.

4. Ta rất tiếc mà phải cãi lại phát biểu của con. Ta biết có hàng ngàn vong linh “xuất hiện” nơi các đám lên đồng và “dạy dỗ đạo đức cao siêu nhất”, nhưng ta chẳng hề biết có một đám lên đồng hoàn toàn *thanh khiết*; ta hi vọng rằng mình không bị xếp vào loại nói xấu người khác cùng với những hỗn danh khác mà mới đây người ta đã gán cho ta, nhưng sự thật bắt buộc ta phải tuyên bố rằng X. Y. Z. không phải hoàn toàn vô nhiễm trong buổi sinh thời; từ đó cho đến nay y cũng chưa trở thành một vong linh rất thanh khiết. Còn về phần dạy dỗ “đạo đức cao siêu nhất”, chúng ta có một tu sĩ mũ đỏ vốn là pháp sư sống không xa nơi ta đang cư ngụ, đây là một người rất đáng chú ý, không có nhiều quyền năng phù thủy nhưng lại có rất nhiều khả năng là một kẻ say rượu, một tên ăn cắp, một kẻ nói dối và lại là một nhà hùng biện nữa chứ. Trong vai trò hùng biện, y có



thể thẳng các ông Gladstone, Bradlaugh và ngay cả Đại đức H. Ward Beecher, không có một nhà thuyết pháp nào về đạo đức mà hung hãn hơn y và ở Mỹ cũng không có ai vi phạm các điều răn của Chúa nhiều hơn y. Vị Lạt ma Shapatung này khi đang khát rượu có thể khiến cho các đệ tử tại gia "phái mũ vàng" đang tụ tập lại nghe thuyết pháp phải khóc sụt sùi với lượng nước mắt dự trữ cho cả năm trời khi nghe y tường thuật nỗi đau khổ và sự sám hối của mình vào buổi sáng, thế rồi đến buổi chiều y lại say khướt và đi cướp bóc khắp làng bằng cách thối miên người ta ngủ say như chết. Rao giảng và dạy dỗ đạo đức với một cứu cánh như thế chẳng chứng tỏ gì được bao nhiêu. Con hãy đọc bài viết của J. P. T. trong tờ *Ánh Sáng* và điều mà ta dạy sẽ bổ sung cho nó.

**(Trả lời A. P. S.)**

Sự qui nguyên chỉ xảy ra khi người cuối cùng của bất kỳ Cuộc tuần hoàn nào đã chuyển sang cõi hậu quả. Thiên nhiên được điều chỉnh rất chính xác như toán học nên không để cho lầm lẫn xảy ra khi triển khai những chức năng của mình. Kỳ qui nguyên của hành tinh mà chúng ta đang tiến hóa hiện nay sẽ đào tạo ra những giống dân cho Cuộc tuần hoàn thứ Năm, cố nhiên là y sẽ có sau một vài người *tiền phong* hiện nay đã ở đây rồi. Nhưng trước khi đến thời kỳ đó thì vị Tổng biên tập của báo *Tiền Phong* và kẻ hèn mọn liên lạc thư tín với ông ta ắt đã chia tay nhau rồi đâu còn có dịp gặp lại nữa.

Và bây giờ sau khi đã chứng tỏ rằng số ra tháng 10 của Tạp chí *Nhà Thông Thiên Học* không *hoàn toàn sai lầm*, cũng chẳng mâu thuẫn với "giáo huấn sau này" thì liệu Chơn sư K. H. có giúp được con "dung hòa hai giáo huấn" chẳng? Muốn cho con hòa giải hơn nữa với Eliphas, ta sẽ gửi cho con một số bản thảo của y chưa bao giờ được xuất bản, được viết bằng thủ bút sáng sủa, nét chữ lớn và đẹp với phần bình luận của ta suốt cả bản thảo. Không có điều gì hay hơn những bản thảo đó có thể mang lại cho con chìa khóa về những câu đố trong kinh Kabalah. [Tất cả những thứ này được công bố đúng thời hạn trong Tạp chí *Nhà Thông Thiên Học* dưới dạng "Các Tác phẩm chưa Xuất bản của Eliphas Levi". Một trong những tác phẩm này "Các Nghịch lý của Khoa học Tối thượng" mới đây đã được nhà Xuất bản Thông Thiên Học Adyar, Madras in lại].

Tuần này ta phải viết thư cho ông Hume để an ủi ông và cho ông thấy rằng nếu ông không khao khát muốn sống thì ông cũng chẳng cần bận tâm về Devachan làm chi. Nếu người ta không *yêu thương* tha thiết hoặc *ghét cay ghét đắng* thì y sẽ chẳng ở Devachan mà cũng chẳng ở A tỳ. "Thiên nhiên khắc những thứ dở dở ương ương ra khỏi miệng của mình" chỉ có nghĩa là nó tiêu diệt *phàm ngã* của chúng (không phải là các ma hình, cũng chẳng phải là nguyên khí thứ sáu) nơi Kama Loka và Devachan. Điều này không ngăn cản họ tái sinh ngay tức khắc và nếu cuộc sống của họ không quá tồi tệ thì chẳng có lý do gì tại sao Chơn thần vĩnh cửu lại không thấy cái trang sách của kiếp sống đó nguyên vẹn trong Sổ Bộ Đời.

**Hỏi:** *Thầy dạy là "Nên nhớ rằng chính chúng ta tạo ra Devachan hay A tỳ trong khi còn ở trên trần thế, và hầu hết là trong những ngày cuối cùng và thậm chí những giây phút cuối cùng trong kiếp sống có lý có tình của ta". Mọi người Ấn Độ nói chung đều tin phổ biến rằng trạng thái trước khi sinh ra và kiếp sống tương lai của một người bị uốn nắn theo cái ham muốn cuối cùng mà y có thể có vào lúc chết. Nhưng họ bảo rằng cái ham muốn cuối cùng này tất nhiên phải xoay quanh một cái dạng thức mà con người có thể đã dành cho những ham muốn, đam mê v.v. . . của mình trong kiếp vừa qua. Chính vì lý do đó (nghĩa là ham muốn cuối cùng của ta có thể bất lợi cho sự tiến bộ tương lai của ta) cho nên ta phải dè chừng những hành động của mình và kiểm soát những đam mê và ham muốn của mình trong suốt cả kiếp sinh hoạt trên trần thế. Nhưng liệu những*



tư tưởng mà tâm trí có thể sa đà vào đó trong giờ phút cuối cùng có tất yếu phải xoay quanh cái tính cách nổi bật trong kiếp đã qua của y hay chẳng? Bằng không thì dường như là tính cách của Devachan hoặc A tỳ thuộc một người lại có thể bị xác định một cách bốc đồng và bất công do sự ngẫu nhiên mang lại một tư tưởng đặc biệt nào đó vượt trội vào phút cuối.

**Đáp:** Không thể khác hơn được. Kinh nghiệm của những người hấp hối (do bị chết đuối hoặc do những tai nạn khác) rồi được hồi sinh đã chứng thực cho giáo lý của chúng ta trong hầu hết mọi trường hợp. Những tư tưởng như thế là *không cố ý* và chúng ta không kiểm soát được các tư tưởng đó nhiều hơn mức chúng ta kiểm soát được đồng tử của con mắt để cảm thông cho nó nhận thức được cái màu sắc ảnh hưởng tới nó nhiều nhất. Vào phút cuối cùng, trọn cả cuộc đời được phản chiếu nơi ký ức của ta và xuất lộ từ mọi góc ngách đã bị lãng quên, hết hình ảnh này tới hình khác, hết diễn biến này tới diễn biến khác. Bộ óc đang hấp hối trực xuất ký ức với một sức thôi thúc mạnh vô cùng và ký ức phục hồi trung thực mọi ấn tượng đã được phó thác cho nó trong thời kỳ bộ óc còn hoạt động. Cái ấn tượng và tư tưởng nào vốn mạnh mẽ nhất thì có thể nói là tự nhiên trở nên sống động nhất và sống sót so với mọi thứ còn lại; mọi thứ đó giờ đây tan biến đi và biến mất mãi mãi, và chỉ xuất hiện nơi Devachan. Không ai chết đi trong tình trạng điên rồ hoặc vô ý thức như một số nhà sinh lý học khẳng định. Ngay cả một người điên hoặc một kẻ trong *cơn mê sảng do say rượu* cũng có lúc hoàn toàn minh mẫn vào giờ chót, mặc dù không thể nói ra cho những người đang có mặt. Con người đó thường có vẻ đã chết rồi; thế nhưng qua cái mạch động cuối cùng từ khi tim của y đập thoi thóp nhịp đập chót cho tới lúc tia lửa cuối cùng của nhiệt động vật đã rời bỏ thân xác y, thì *bộ óc vẫn suy nghĩ* và trong vài phút giây ngắn ngủi đó, bản ngã sống lại trọn cả cuộc đời mình nếu con có mặt bên cạnh giường người chết để chứng kiến sự hiện diện long trọng của Thần Chết thì con hãy nói khe khẽ thôi. Nhất là con phải im thin thít ngay khi Thần Chết đặt bàn tay nhám nhúa của mình lên cái xác đó. Ta nhắc lại con hãy nói khe khẽ thôi kéo con sẽ làm xáo trộn cái làn sóng tư tưởng lẫn tẩn trong tịch lặng và cản trở công việc bận bịu của Quá Khứ phản chiếu hình bóng lên bức màn của Tương lai.

**Hỏi:** "Việc nhớ lại trọn vẹn các kiếp sống của ta chỉ xảy ra vào cuối chu kỳ thứ yếu". Liệu ở đây "chu kỳ thứ yếu" có nghĩa là một Cuộc tuần hoàn hay trọn cả Chu kỳ Thành trụ của dãy hành tinh chúng ta? Có nghĩa là liệu ta có nhớ được những kiếp đã qua của mình nơi Devachan thuộc thế giới Z vào cuối mỗi Cuộc tuần hoàn hay chỉ vào cuối Cuộc tuần hoàn thứ Bảy?

**Đáp:** Đúng vậy, việc nhớ lại trọn vẹn các kiếp sống tập thể của ta chỉ trở lại vào cuối mọi thời kỳ gồm bảy Cuộc tuần hoàn, trước thêm của kỳ Niết Bàn dài dằng dặc chờ đợi ta sau khi ta rời bỏ hành tinh Z. Vào cuối mỗi Cuộc tuần hoàn riêng rẽ thì ta chỉ nhớ được tổng số những ấn tượng cuối cùng của mình, những thứ mà ta đã chọn lựa hoặc nói cho đúng hơn là những thứ đã được *áp đặt* lên ta và nối gót ta nhập vào Devachan. Đó là mọi kiếp sống "dự bị" với những sự "sa đà" thoải mái và những vụ thử thách mới mẻ mà ta phải chịu trong mỗi kiếp sống mới. Nhưng đến cuối chu kỳ thứ yếu, sau khi đã hoàn tất trọn cả bảy Cuộc tuần hoàn thì *không còn một sự ân xá nào nữa* chờ đón chúng ta ngoại trừ cái đĩa cân công lao bao gồm những nghĩa cử nặng ký hơn cái đĩa cân tội lỗi bao gồm những điều ác trên cây cân Công bằng Báo phục. Ké xấu, xấu đến mức không cứu chuộc nổi ắt phải là cái loại bản ngã không rút ra được một chút xíu gì tốt đẹp từ cái nguyên khí thứ năm của mình cho nên *phải* chịu hủy diệt, biến mất nơi Cõi thứ Tám. Như ta có nói chỉ một chút xíu điều tốt đẹp rút ra từ phàm ngã cũng đủ để cứu chuộc y khỏi số phận u ám này. Sau khi đã hoàn tất chu kỳ lớn tức là một cuộc Niết Bàn cực lạc dài

(vô ý thức mặc dù xét theo quan điểm của y hay theo những quan điểm thô thiển của con) sau kiếp trở thành một Dhyana Chohan cho trọn cả một Chu kỳ Thành trụ hoặc là A tỳ-Niết Bàn và một Chu kỳ Thành trụ khủng khiếp và khốn khổ với vai trò là . . . con *chẳng nên* nghe tới từ này, ta cũng chẳng nói ra hoặc viết nó ra. Nhưng “những thứ đó” chẳng dính líu gì tới kẻ phàm phu phải quanh quẩn qua bảy bầu hành tinh. Cộng Nghiệp của một Chơn linh hành tinh tương lai để thương bao nhiêu thì Cộng Nghiệp của . . . khủng khiếp bấy nhiêu! Đủ rồi! Ta đã nói quá nhiều rồi.

**Hỏi:** *Và thầy có dạy, "Ngay cả ma hình của những người tốt mà các trang giấy của y không bị mất đi trong số bộ đời . . . ngay cả họ cũng chỉ nhớ lại được ngã thức sau khi nguyên khí thứ sáu và thứ bảy cùng với tinh hoa của nguyên khí thứ năm đã nhập vào thời kỳ tụ sinh".*

**Đáp:** Đúng vậy; mãi cho tới khi có sự đấu tranh bắt đầu giữa lưỡng nguyên thượng và lưỡng nguyên trung (ngoại trừ những kẻ tự tử họ không bị chết mà chỉ tự mình bóp chết tam nguyên thuộc cõi trần của mình, do đó các ký sinh tinh linh ngũ hành của họ tự nhiên không tách rời khỏi bản ngã giống như bị chết thực sự), ta xin nói rằng chừng nào cuộc chiến đấu đó chưa bắt đầu và chưa kết liễu thì không một ma hình nào thể hiện được địa vị của mình. Khi nguyên khí thứ sáu và thứ bảy đã ra đi mang theo mình bộ phận tâm linh tinh anh của điều xưa kia đã từng là tâm thức *phàm nhơn* của nguyên khí thứ năm, chỉ khi đó thì ma hình mới dần dần phát triển được một ý thức mơ hồ về chính mình từ những gì còn sót lại trong cái hình bóng của phàm ngã. Bạn thân mến, ở đây không có gì mâu thuẫn đâu chỉ có nhận thức của chính con là mơ hồ thôi (cổ nhiên là một bộ óc phàm một khi đã chết rồi làm sao giữ được lại năng lực nhận thức của mình nữa).

**Hỏi:** *Một chút xíu sau đó: "Cho dù bản ngã là tốt, xấu hay vô thường vô phạt thì ý thức của y cũng thành linh rời bỏ y giống như ngọn lửa rời bỏ cái bấc đèn... năng lực nhận thức của y biến mất mãi mãi". Được thôi, liệu một bộ óc phàm một khi đã chết rồi có thể nào giữ lại được nhận thức của mình chẳng? Điều thực hiện sự nhận thức của ma hình là một thứ gì đó nhận thức được bằng một ánh sáng vay mượn hoặc phản chiếu (xem chú thích). Thế thì đâu là bản chất của sự nhớ lại và ngã thức của ma hình? Điều này đụng chạm tới một vấn đề mà con thường suy nghĩ và muốn được thầy giải thích rõ hơn tức là tầm mức của ý thức tự ngã cá nhân nơi các âm ma.*

**Đáp:** Mọi điều thuộc về những thuộc tính và cảm giác vật chất tâm lý của *ngũ uẩn* thấp, mọi điều sẽ bị vứt bỏ coi là cặn bã khi bản ngã mới sinh ra nơi Devachan, coi là không xứng đáng và không đủ liên quan tới những nhận thức tâm linh *thuần túy*, những xúc động và xúc cảm thuộc nguyên khí thứ sáu có thể nói là được củng cố và làm cho kiên cố bởi một phần của nguyên khí thứ năm (cái phần này rất cần thiết nơi Devachan để giữ lại một ý niệm về bản ngã thiêng liêng được linh hóa của Chơn thần, bằng không thì chẳng còn ý thức gì về chủ thể và khách thể nữa) – tất cả mọi thứ đó phải “mất đi mãi mãi” nghĩa là vào lúc cái xác chết đi, rồi lại trở lại một lần nữa, diễn tập trước mắt bản ngã mới sinh ở ngưỡng cửa Devachan, để rồi lại bị nó vứt bỏ. Nó sẽ trở lại lần *thứ ba trọn vẹn* vào cuối chu kỳ thứ yếu sau khi hoàn tất bảy Cuộc tuần hoàn, khi tổng số các kiếp tập thể được cân đong đo đếm, một đĩa cân là công còn một đĩa cân là tội trên cái cân công lý. Nhưng nơi cá thể đó, nơi bản ngã đó dù tốt hay xấu hay vô thường vô phạt – nơi phàm ngã biệt lập đó, “tâm thức rời bỏ nó thành linh giống như ngọn lửa rời bỏ cái bấc đèn”. Bạn thân mến, con hãy thổi tắt ngọn nến đi thì ngọn lửa rời bỏ ngọn nến đó “mãi mãi”, nhưng phải chẳng các hạt đang vận động (chính sự vận động của nó tạo ra

ngọn lửa nơi *ngoại giới*) đã bị hủy diệt hoặc tàn mác đi vì chuyện đó? Không bao giờ, *con hãy thắp sáng ngọn nến trở lại* và cũng những hạt đó bị thu hút bởi ái lực hỗ tương sẽ trở lại với cái bắc đèn. Con hãy xếp một hàng dài những ngọn nến trên bàn. Con hãy thắp sáng một ngọn nến lên và thổi tắt nó đi; thế rồi lại thắp sáng ngọn nến khác và cũng làm như thế, rồi tới ngọn nến thứ ba, thứ tư v.v. . . Cũng vật chất ấy, cũng các hạt thể khí ấy – trong trường hợp chúng ta tiêu biểu cho Nghiệp quả của phàm ngã – sẽ được khơi dậy do những tình huống mà que diêm của con đã cung cấp cho chúng để tạo ra một khung cảnh sáng mới; nhưng liệu con có thể bảo rằng ngọn lửa của cây nến thứ nhất không tắt ngúm mãi mãi hay chẳng? Ngay cả trong trường hợp những “sự thất bại trong thiên nhiên”, trường hợp tái sinh ngay tức khắc của những đứa trẻ con và những kẻ ngu đần bẩm sinh v.v. . . liệu ta có thể gọi chúng là những cựu phàm ngã giống hệt nhau chẳng, mặc dù trọn cả nguyên sinh khí cũ và Manas (nguyên khí thứ năm cũ) đều nhập trở lại vào một cơ thể mới, và thật sự có thể được gọi là một “sự tái sinh luân hồi của phàm ngã”; trong khi đó lúc bản ngã từ Devachan hay A tỳ tái sinh vào sinh hoạt Nghiệp quả, thì chỉ có các thuộc tính tâm linh của Chơn thần và Buddhi của nó là tái sinh thôi. Ta chỉ có thể nói về những “sự thất bại” tái sinh luân hồi ấy theo nghĩa đó là Manas tức nguyên khí thứ năm tái sinh luân hồi của ông Smith hoặc cô Grey; nhưng chắc chắn đó không phải là sự tái sinh luân hồi của ông S. hoặc cô G. Con còn gặng hỏi “thế thì bản chất của sự nhớ lại và ngã thức của ma hình thì sao?”. Như ta có nói trong thông điệp của con, không khá gì hơn một ánh sáng được vay mượn hoặc phản chiếu. Ký ức là một chuyện, còn năng lực nhận thức là chuyện khác hẳn. Một người điên có thể nhớ rất rõ một phần nào đó trong kiếp sống đã qua của mình; thế nhưng y không nhận thức được chân tướng của bất cứ điều gì, vì bộ phận cao siêu thuộc Manas của y cũng như Buddhi của y đã bị tê liệt nơi y, đã rời bỏ y rồi. Nếu một con thú (chẳng hạn như một con chó biết nói, thì nó có thể chứng tỏ cho con thấy rằng ký ức của nó liên quan trực tiếp tới tư cách làm chó của nó cũng mới mẻ như ký ức của con; tuy nhiên ký ức và bản năng của nó không thể được gọi là “năng lực nhận thức”. Một con chó ắt nhớ lại chủ mình đã từng quất mình khi người chủ lăm lăm cầm cây roi trên tay, còn vào những lúc khác nó chẳng nhớ nổi điều đó. Một ma hình cũng thế thôi, một khi ở trong hào quang của người đồng cốt thì nó sẽ nhận thức được hết mọi thứ qua những cơ quan vay mượn của người đồng cốt, cũng như của người đồng cảm về tử khí với đồng cốt, do đó ma hình sẽ nhận thức được rất minh bạch; nhưng nó không thể nhận thức được nhiều hơn mức mà nó tìm thấy nơi năng lực nhận thức và ký ức của người đồng cốt và nhóm người lên đồng; vì thế cho nên những câu trả lời thường rất hợp lý và rất thông minh; cũng vì thế cho nên nó quên hết mọi chuyện mà ai cũng biết ngoại trừ người đồng cốt và nhóm người lên đồng. Ma hình của một người rất thông minh nhưng hoàn toàn thiếu tính chất tâm linh và chết tự nhiên ắt tồn tại lâu hơn, *bóng dáng* ký ức của chính y cũng góp phần vào đó (cái bóng dáng đó là tàn dư của nguyên khí thứ sáu còn đọng lại nơi nguyên khí thứ năm), y có thể thuyết pháp qua những kẻ nói sấm giảng trong lúc xuất thần và lập lại như con vẹt điều mà y đã biết và suy đi nghĩ lại trong buổi sinh thời.

Nhưng con hãy thử tìm một ví dụ *duy nhất* nào xem trong biên niên sử của Thần linh học có một ma hình nào trở lại chẳng của Faraday hoặc Brewster (nếu họ rớt vào cái bẫy do người đồng cốt thu hút) mà có nói một lời nhiều hơn mức mình biết trong buổi sinh thời. Đâu rồi cái ma hình của nhà khoa học đã từng làm chứng cho điều được rêu rao tuyên truyền cho các vong linh thoát xác; nghĩa là một linh hồn tự do, vong linh đã thoát khỏi xiềng xích của xác phàm cho nên nhận thức và thấy được điều mà cặp mắt của bọn phàm phu đang sống không thấy được? Giả sử “vong linh” của Zollner – giờ đây y đang ở trong chiều đo thứ tư của không gian và nếu có dịp xuất hiện cho nhiều đồng cốt – nói lời

cuối cùng về phát minh của mình để hoàn tất triết lý thiên thể của mình. Không đâu, khi thuyết pháp qua một đồng cốt thông minh bao xung quanh là những người đã đọc và quan tâm tới các tác phẩm của Zollner thì Zollner sẽ lặp lại với nhiều giọng điệu khác nhau những gì mà những người khác đã biết (rất có thể là không chỉ những gì mà y chỉ biết thôi), đám công chúng dốt nát cả tin lẫn lộn *hậu thân* với *đích thân* ắt phải tin chắc vào lai lịch của vong linh. Thật vậy, con cũng bỏ công nếu được khuyến khích theo chiều hướng này. Đúng thế, ý thức của phàm ngã đều rời bỏ mọi người vào lúc chết; và bất cứ khi nào trọng tâm của ký ức đó được xác lập nơi ma hình thì nó sẽ nhớ lại và nói ra những hồi ức của mình qua bộ óc của một người còn sống nào đó.

**Hỏi:** *Liệu ma hình có ý thức về việc mất một cái gì đó mà nó cảm thấy giống như sự sống khi nó dần dần bị tan rã ra chăng?*

**Đáp:** Không đâu, nó không ý thức về việc bị mất cố kết. Ngoại trừ một cảm giác như thể nơi một ma hình hoàn toàn chẳng có ích lợi gì cho mục đích của thiên nhiên, thì nó cũng khó lòng ngộ ra được một điều gì đó mà người đồng cốt hay kẻ lên đồng chưa bao giờ mơ tới. Nó ý thức mơ hồ về việc cái xác của mình đã chết – mặc dù cũng phải mất một thời gian dài – thế cũng là đủ rồi. Có vài ngoại lệ cho thông lệ này – trường hợp những thầy phù thủy non tay ẩn hoặc những người rất độc ác điên cuồng bám lấy bản ngã – đây là một nguy cơ thực sự cho người sống. Những ma hình rất duy vật này – tư tưởng cuối cùng trong lúc hấp hối của họ là bản ngã, bản ngã và bản ngã, sống, sống và sống – thường cảm thấy sự mất cố kết theo bản năng. Một số người tự tử cũng như thế, mặc dù không phải là tất cả. Điều xảy ra sau đó thật là khủng khiếp vì nó trở thành trường hợp ma sói *sau khi chết*. Ma hình sẽ khăng khăng bám lấy cái đối với nó dường như là sự sống, cho nên nó ắt tìm cách tị nạn nơi một cơ thể mới – bất cứ một con thú nào, một con chó, một con linh cẩu, một con chim – khi không có một cơ thể người gần kề ngay trong tầm tay chứ không chịu bó tay bị hủy diệt.

**Hỏi:** *Đâu là lời giải thích về các vong linh hướng dẫn khác của "Ernest" và Eglinton? [William Eglinton là một người đồng cốt của Thần linh học rất liêm khiết mà Chơn sư K. H. có hiện ra với y trên bong tàu S.S. Vega. Xem quyển Thế giới Huyền bí phần "Kết luận" cũng như trang 75. "Ernest" là một trong những vong linh "hướng dẫn" Eglinton, y đề nghị với ông C. W. Leadbeater xin mang một bức thư đến cho Chơn sư K. H., nhưng thất bại. (Xem Thư của các Chơn sư Minh triết, Bức thư số 7, chú thích 10).] Liệu các âm ma có rút ra sinh khí hữu thức của y chăng hay đó là các tinh linh ngũ hành trá hình? Khi "Ernest" cầm tờ báo Tiền Phong với miếng giấy thông điệp thì làm thế nào mà y nghĩ ra cách có được nó mà không cần dùng tới thuật đồng cốt để đạt được mục đích ấy? [Trong Tạp chí Nhà Thông Thiên Học, số tháng giêng, năm 1882 có xuất hiện một bức thư của J. G. Meugens, chủ nhà của Eglinton, theo đó "Ernest đã nói rõ rằng y sẽ cố gắng mang một tờ giấy (mà tôi đã đánh dấu riêng để nhận diện) tới cho bạn tôi ở Luân Đôn và mang nó về cho tôi kèm theo một thông điệp viết bằng thủ bút của bạn tôi. Nếu điều này được thực hiện thành công thì tôi sẽ thông báo cho bạn biết". Không có một liên lạc thư tín nào nữa xuất hiện trong tờ Nhà Thông Thiên Học nêu rõ rằng Ernest đã thực hiện điều mà mình hứa. Có thể "tờ báo Tiền Phong với thông điệp đó" được nhắc trong câu hỏi ám chỉ một hiện tượng tương tự mà Ernest đã thành công].*

**Đáp:** Ta có thể đoán chắc với con rằng thật chẳng bỏ công khi con muốn nghiên cứu thực chất của "Ernest" và "Joey". [Joey là một "vong linh hướng dẫn" khác của Eglinton]. Cũng như các "vong linh hướng dẫn" khác nếu con không quen thuộc với sự tiến triển của sự tan rã các cận bã của tinh linh ngũ hành, cũng như tiến triển trong sự

tan rã của bảy nguyên khí nơi con người; con sẽ thấy mình chơi với không hiểu nổi thực chất của chúng. Không có một qui chế thành văn nào dành cho chúng và cũng khó lòng trông mong chúng đền đáp được lời khen tặng của những người bạn và những người hâm mộ để có được sự thật, sự im lặng hoặc lòng độ lượng. Nếu con có liên quan tới chúng giống như một số đồng cốt trên cõi trần đã *mất linh hồn* thì con sẽ gặp được chúng. Bằng không thì tốt hơn là cứ mặc xác chúng. Chúng bị thu hút theo kiểu ngư tầm ngư mã tầm mã về phía những người đồng cốt; và mỗi quan hệ đó không được tự nguyện tạo dựng mà bị cưỡng chế do những kẻ buôn thần bán thánh điên rồ và đầy tội lỗi. Đó vừa là âm ma vừa là tinh linh ngũ hành – cùng lắm cũng chỉ là một kẻ sơn đồng mãi võ hạ cấp, thoái hóa và đầy ác ý.

**Hỏi:** *Thầy dạy, có thể xảy ra "trường hợp chiến lợi phẩm tâm linh của nguyên khí thứ năm quá yếu không thể tái sinh được nơi Devachan. Trong trường hợp đó nguyên khí thứ sáu sẽ vợ vẫn đây đó rồi lại khoác lấy một cơ thể mới và nhập vào một kiếp sống mới trên trần thế hoặc là trên hành tinh này hoặc là nơi một hành tinh nào khác".*

**Đáp:** "Nó" tức là nguyên khí thứ sáu và thứ bảy chứ không phải là nguyên khí thứ năm vì trong bất cứ trường hợp nào thì *manas* vẫn còn là một ma hình, chỉ có điều là trong trường hợp mà ta đang xét thì nó không có thời giờ viếng thăm đám đồng cốt, vì nó bắt đầu đọa xuống Cõi thứ Tám hầu như ngay tức khắc. "Đây đó" trong thời gian vĩnh hằng có thể là một thời kỳ rất lâu; điều này chỉ có nghĩa là Chơn thần vì không có cái thể Nghiệp báo dẫn dắt sự tái sinh của mình nên rớt vào tình trạng *không tự tại* trong một thời gian nào đó, để rồi sẽ lại tái sinh luân hồi – chắc chắn là không sớm hơn một hoặc hai ngàn năm. Không đâu, đó không phải là một "trường hợp ngoại lệ", ngoại trừ một vài trường hợp ngoại lệ như trường hợp các bậc đã được điểm đạo, chẳng hạn như Ban thiền Lạt ma, Chư Bồ Tát và một vài người khác, còn không một Chơn thần nào đã từng tái sinh luân hồi trước chu kỳ được ấn định sẵn.